



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

PHAN HUY DŨNG – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA
BÙI MẠNH HÙNG – NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – ĐẶNG LƯU
LÊ TRÀ MY – LÊ THỊ MINH NGUYỆT – NGUYỄN THỊ NƯƠNG

TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN

môn

NGỮ VĂN

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP

6

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

CNTT:	công nghệ thông tin
GV:	giáo viên
HS:	học sinh
NXBGDVN:	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
SBT:	sách bài tập
SGK:	sách giáo khoa
SGV:	sách giáo viên
THCS:	Trung học cơ sở
VB:	văn bản

MỤC LỤC

Trang

Phần một. HƯỚNG DẪN CHUNG..... 4

1. Giới thiệu khái quát về sách giáo khoa *Ngữ văn 6*..... 4
2. Phân tích cấu trúc sách 9
3. Phương pháp dạy học 19
4. Hướng dẫn đánh giá kết quả giáo dục trong SGK *Ngữ văn 6*.....24
5. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách
và các học liệu điện tử của NXBGDVN 26
6. Khai thác thiết bị và học liệu trong dạy học.....31
7. Một số lưu ý trong việc lập kế hoạch dạy học SGK *Ngữ văn 6* 32

Phần hai. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI 34

1. Hướng dẫn tổ chức dạy học đọc 34
2. Hướng dẫn tổ chức dạy học thực hành tiếng Việt 49
3. Hướng dẫn tổ chức dạy học viết 51
4. Hướng dẫn tổ chức dạy học nói và nghe 59

Phần ba. CÁC NỘI DUNG KHÁC..... 62

1. Hướng dẫn sử dụng SGK *Ngữ văn 6*..... 62
2. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo của NXBGDVN.... 62

1 GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ SGK NGỮ VĂN 6**1.1. Quan điểm biên soạn****a. Quan điểm biên soạn SGK Ngữ văn Trung học cơ sở**

- SGK *Ngữ văn* Trung học cơ sở, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, được biên soạn theo mô hình SGK phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe, với hệ thống VB được kết nối chặt chẽ trên cả trục chủ đề và trục thể loại, HS được phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học cũng như các năng lực tự chủ và tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đồng thời, SGK cũng bồi dưỡng cho HS các phẩm chất chủ yếu được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông mới, đặc biệt là những phẩm chất gắn với đặc thù của môn Ngữ văn như: lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu quê hương đất nước.
- Sách chủ trương dạy học tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe trong cùng một bài học; tích hợp dạy học kiến thức ngôn ngữ và kiến thức văn học với hoạt động đọc, viết, nói và nghe; tích hợp kiến thức ngôn ngữ, văn học với kiến thức về văn hoá, khoa học, nghệ thuật bảo đảm mục tiêu phát triển hiệu quả các năng lực và phẩm chất của người học.
- Sách trình bày tường minh các yêu cầu cần đạt của bài học và hướng dẫn các hoạt động một cách cụ thể hệ thống nhằm phát huy cao nhất khả năng tự học của HS. Đồng thời với độ mở khá rộng, sách khơi gợi khả năng sáng tạo cho người sử dụng.

b. Quan điểm biên soạn SGK Ngữ văn 6

Tuân thủ quan điểm biên soạn SGK *Ngữ văn* THCS nói chung, nhưng sách *Ngữ văn 6* có một số định hướng riêng, do lứa tuổi lớp 6 đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp quan trọng trong quá trình trưởng thành của HS. Các em vừa hoàn thành chương trình cấp Tiểu học và đang thích ứng dần với yêu cầu học tập ở một cấp học mới. Với môn Ngữ văn, sự chuyển tiếp quan trọng nhất thể hiện ở chỗ HS chuyển từ yêu cầu biết đọc, viết, nói và nghe ở mức độ căn bản sang yêu cầu biết phân biệt rõ các thể loại, loại VB (gọi chung là thể loại) để đọc, viết, nói và nghe theo mô hình do thể loại quy định. SGK *Ngữ văn 6* thiết kế hệ thống bài học theo các chủ đề, lựa chọn ngữ liệu và hướng dẫn quy trình dạy học đọc, viết, nói và nghe theo cách phù hợp với đặc điểm nhận thức, tâm lí của HS. Sách cũng chú trọng giúp HS xác định rõ hơn yêu cầu của bài học, cách thức giải quyết các nhiệm vụ của bài học trong từng hoạt động cụ thể, để học tập một cách tích cực, chủ động và sáng tạo.

1.2. Những điểm mới của SGK Ngữ văn 6

SGK *Ngữ văn 6* tiếp cận mô hình SGK *Ngữ văn* của các nước phát triển. Cách lựa chọn các yêu cầu cần đạt (chuẩn cần đạt) của chương trình để cài đặt thành các yêu cầu cần đạt của từng bài học; cách triển khai các hoạt động dạy học nhằm đạt được yêu cầu mà bài học đề ra; cách khai thác ngữ liệu và kiến thức ngữ văn với mục đích phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học của người học,... đều có dấu ấn của kinh nghiệm quốc tế, nhất là từ các nước như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Australia, Hàn Quốc, Singapore,... SGK *Ngữ văn 6* đồng thời cũng là kết quả kế thừa kinh nghiệm và thành tựu trong lĩnh vực nghiên cứu, biên soạn SGK và dạy học *Ngữ văn* của Việt Nam trong những thập niên qua, trong đó có kinh nghiệm thiết kế bài học tích hợp và sắp xếp cụm bài học theo thể loại, loại VB. Sau đây là những điểm mới cơ bản của SGK *Ngữ văn 6* kết tinh từ cả kinh nghiệm, thành tựu biên soạn SGK *Ngữ văn* của quốc tế và Việt Nam.

a. Hệ thống bài học được sắp xếp theo hệ thống chủ đề và thể loại, loại VB, bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực của HS

Ngữ văn 6 gồm có 10 bài học. Tên bài thể hiện phần nào chủ đề (trừ bài 10 là một dự án đọc sách). Các VB được lựa chọn làm ngữ liệu trong mỗi bài vừa có nội dung gắn với chủ đề vừa có đặc điểm của thể loại, loại VB trọng tâm của bài đó. Cụ thể: 1. *Tôi và các bạn* (thể loại chính: truyện); 2. *Gõ cửa trái tim* (thể loại chính: thơ); 3. *Yêu thương và chia sẻ* (thể loại chính: truyện); 4. *Quê hương yêu dấu* (thể loại chính: thơ); 5. *Những nẻo đường xứ sở* (thể loại chính: du kí); 6. *Chuyện kể về những người anh hùng* (thể loại chính: truyền thuyết); 7. *Thế giới cổ tích* (tập trung vào truyện cổ tích); 8. *Khác biệt và gần gũi* (loại VB chính: nghị luận); 9. *Trái Đất – ngôi nhà chung* (loại VB chính: VB thông tin); 10. *Cuốn sách tôi yêu* (dự án đọc sách). Hệ thống chủ đề trong cả bộ sách được sắp xếp từ gần gũi (bản thân, gia đình, bè bạn: *Tôi và các bạn*, *Gõ cửa trái tim*) đến rộng lớn (xã hội, quê hương, đất nước: *Yêu thương và chia sẻ*, *Quê hương yêu dấu*, *Những nẻo đường xứ sở*); từ những câu chuyện đời xưa (*Chuyện kể về những người anh hùng*, *Thế giới cổ tích*) đến những vấn đề của cuộc sống hiện tại (*Khác biệt và gần gũi*, *Trái Đất – ngôi nhà chung*). Mỗi chủ đề bao quát một phạm vi đời sống đủ rộng, phù hợp với khả năng, nhu cầu nhận thức của HS và có thể giúp các em hình thành, phát triển những phẩm chất cần thiết. Chẳng hạn, trong bài 1. *Tôi và các bạn*, hoạt động đọc, viết, nói và nghe được thiết kế gắn với các VB có chung đề tài là tình bạn giữa những nhân vật đang trong quá trình trải nghiệm cuộc sống để trưởng thành, gồm: *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài), *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (trích *Hoàng tử bé* của Antonie de Saint-Exupéry), *Bất nạt* (Nguyễn Thế Hoàng Linh), *Những người bạn* (trích *Tôi là Bê-tô* của Nguyễn Nhật Ánh). Qua việc đọc các VB cũng như viết, nói và nghe về những gì được gợi ra từ VB, HS được bồi dưỡng tình yêu thương, lòng trắc ẩn, đức khiêm tốn, thái độ chan hoà,... Ở bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*, từ hoạt động đọc hiểu các VB *Cô Tô* (Nguyễn Tuân), *Hang Én*

(Hà My), *Cửu Long Giang ta ơi* (Nguyễn Hồng), *Nghìn năm tháp Khuông Mỹ* (Lam Linh), HS có được những trải nghiệm phong phú về các vùng miền của đất nước với những vẻ đẹp đa dạng; được viết, nói và nghe về những nội dung có sự kết nối ở những mức độ khác nhau với VB đọc. Từ đó, các em thêm yêu và tự hào về quê hương đất nước.

SGK *Ngữ văn 6* có hệ thống thể loại và loại VB rất đa dạng, đủ đáp ứng các yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, được phân bố, đan xen hợp lí. Sau khi được đọc VB thuộc các thể loại, loại: truyện, thơ, kí, truyện dân gian, VB nghị luận, VB thông tin, HS có cơ hội vận dụng tổng hợp vốn sống, trải nghiệm cũng như kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được tích lũy, rèn luyện trong cả năm học vào một dự án giàu tính trải nghiệm, được chọn đọc những cuốn sách yêu thích, luyện viết và sáng tạo những sản phẩm mang đậm dấu ấn cá nhân của mỗi em.

Cách thiết kế các bài học vừa dựa vào chủ đề vừa dựa vào thể loại, loại VB có những ưu thế sau: 1) Hệ thống chủ đề tạo sự kết nối về đề tài, nội dung giữa các VB trong một bài và giữa các bài, thuận lợi cho mục tiêu phát triển vốn sống, trải nghiệm cho HS ở độ tuổi lớp 6 nói riêng và THCS nói chung, góp phần bồi dưỡng tình cảm, phẩm chất cho người học. 2) Hệ thống thể loại, loại VB tạo được mô hình đọc hiểu và viết, ở mức độ nào đó là cả nói và nghe; giúp HS phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học một cách hiệu quả. Nhờ đó, SGK *Ngữ văn 6* bảo đảm các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe được kết nối chặt chẽ với nhau và với các nội dung dạy học nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho HS theo cách hiệu quả nhất.

Bên cạnh phẩm chất và năng lực đặc thù, *Ngữ văn 6* còn hướng tới mục tiêu phát triển năng lực chung cho HS. Tất cả các bài học đều có nội dung kết nối với cuộc sống, đặt ra những vấn đề đòi hỏi HS phải có chủ kiến, biết suy nghĩ, tìm tòi các giải pháp phù hợp với khả năng của các em. Các hoạt động được thiết kế trong các bài học giúp HS phát triển khả năng tự học, tạo điều kiện cho HS trao đổi nhóm, thảo luận và trình bày ý kiến, cảm xúc một cách cởi mở. Như vậy, không chỉ các phẩm chất và năng lực đặc thù mà các năng lực chung của HS cũng được phát triển hài hoà trong quá trình học tập.

b. Mỗi bài học được thiết kế theo mạch các hoạt động đọc, viết, nói và nghe nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho HS

Trong mỗi bài học, các hoạt động đọc, viết, nói và nghe được thiết kế liền mạch và kết nối chặt chẽ với nhau. Hoạt động đọc giúp HS nắm được nội dung VB, đặc điểm thể loại, loại VB, huy động vốn sống, trải nghiệm để hiểu VB. Với những kiến thức, kĩ năng, vốn sống, trải nghiệm có được từ việc đọc, HS được hướng dẫn viết một kiểu VB theo một quy trình cụ thể, bài bản. Hoạt động nói và nghe được tổ chức trên cơ sở sản phẩm của hoạt động viết hoặc đọc. Như vậy, *Ngữ văn 6* lấy hoạt động đọc làm cơ sở, cung cấp chất liệu, phương tiện cho các hoạt động viết, nói và nghe. Đây là một điểm nhấn quan trọng của *Ngữ văn 6*.

Để HS có thể đóng vai trò tích cực và chủ động trong quá trình đọc, ở phần mở đầu bài học, *Ngữ văn 6* thiết kế mục *Tri thức ngữ văn* nhằm giúp HS có được những hiểu biết căn bản về thể loại, loại VB để đọc hiểu theo đặc điểm, yêu cầu đối với mỗi thể loại, loại VB. Từ đó, HS biết cách đọc VB thuộc từng thể loại, loại VB và phát triển năng lực đọc hiểu. Ngoài kiến thức về văn học, mục *Tri thức ngữ văn* còn trang bị cho HS kiến thức về tiếng Việt để hiểu được cách tác giả biểu đạt ý tưởng và thông tin. Đặc biệt, nhiều VB đọc trong *Ngữ văn 6* đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Việc trang bị các kiến thức về tiếng Việt góp phần giúp HS có được công cụ hữu hiệu để “giải mã” những nét đặc sắc về hình thức biểu đạt của VB. Sau khi được trang bị tri thức ngữ văn, HS tham gia vào tiến trình đọc gồm 3 bước: trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc. *Trước khi đọc* có mục tiêu giúp HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc nhằm chuẩn bị tiếp cận VB đọc với tư cách một người đọc chủ động và tích cực. *Trong khi đọc* gắn với các chiến lược đọc phù hợp đối với từng VB cụ thể như theo dõi, tưởng tượng, dự đoán, suy luận,... giúp HS xác định và vận dụng những thao tác tư duy phù hợp trong quá trình đọc để nắm bắt kịp thời những chi tiết quan trọng về hình thức và nội dung của VB, làm cơ sở để giải quyết nhiệm vụ sau khi đọc. *Sau khi đọc* gồm các câu hỏi được phân chia theo cấp độ nhận thức, từ *nhận biết* đến *phân tích, suy luận* và *đánh giá, vận dụng*. Những câu hỏi này không chỉ hướng dẫn HS đọc hiểu chính VB vừa đọc mà còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực đọc cho HS thông qua việc giúp các em định hình cách đọc một thể loại, loại VB.

Trong *Ngữ văn 6*, hoạt động viết được thực hiện ở 2 phần: *Viết kết nối với đọc* và *Viết bài theo kiểu VB*. *Viết kết nối với đọc* được đặt ngay sau các câu hỏi đọc hiểu ở mỗi VB đọc chính trong bài. Phần này chỉ yêu cầu HS viết những đoạn văn ngắn có nội dung được gợi ra từ VB mà các em vừa đọc, tạo cơ hội cho HS được luyện viết thường xuyên với yêu cầu đơn giản, nhẹ nhàng, từ đó giúp các em có thói quen, kĩ năng và hứng thú viết. *Viết bài theo kiểu VB* là một nội dung quan trọng của bài học, có chỉ dẫn cụ thể về quy trình viết các kiểu VB theo yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình. Quy trình này được thiết kế chi tiết, hướng dẫn HS thực hiện từng bước để đạt đến sản phẩm cuối cùng: xác định kiểu VB viết và các yêu cầu đối với kiểu VB đó; phân tích bài viết tham khảo; triển khai viết theo các bước: xác định đề tài, mục đích viết và người đọc, tìm ý và lập dàn ý, kiểm tra và chỉnh sửa bài viết. Quy trình xử lí thông tin, phân tích ý tưởng, vận dụng ngôn ngữ để truyền đạt thông tin, biểu đạt ý tưởng và tổ chức ngôn ngữ theo đặc trưng kiểu bài viết cụ thể đều được trình bày rõ ràng để HS có thể thực hành theo hướng dẫn. Việc thực hành viết tuân thủ các yêu cầu đối với từng kiểu VB và dựa trên bài viết tham khảo sẽ giúp HS nắm vững mô hình VB viết và hình dung được cụ thể mô hình đó qua một VB cụ thể, tránh được lối viết tùy tiện. Tuy vậy, cách dạy viết này hoàn toàn khác với dạy viết “theo văn mẫu” thường bị chỉ trích lâu nay. Trong khi viết “theo văn mẫu”, HS sao chép đến cả chất liệu, ý tưởng thì cách dạy viết trong sách *Ngữ văn 6* chỉ cho HS tham khảo cấu trúc của bài viết (một VB

được viết ra nhằm một mục đích giao tiếp nhất định thì phải có đặc điểm cấu trúc của một kiểu VB tương ứng), còn đề tài của bài viết là mới, vì vậy, chất liệu, ý tưởng phải là của chính các em.

Hoạt động nói và nghe tập trung vào việc trình bày một nội dung dựa trên kết quả của hoạt động viết hoặc đọc. Bằng cách đó, HS được nói và nghe, thảo luận, trao đổi và tương tác trên cơ sở những gì mình đã viết hoặc đọc. *Ngữ văn 6* thiết kế các hoạt động nói và nghe theo một quy trình tỉ mỉ và chặt chẽ; đặt ra yêu cầu HS phải xác định được mục đích nói và người tiếp nhận, phải tuân thủ các bước từ chuẩn bị nội dung nói và tập luyện đến trình bày bài nói và trao đổi về bài nói. *Ngữ văn 6* quan tâm tổ chức dạy học kĩ năng nói và nghe cho HS vì nó không chỉ tạo cơ hội cho các em phát triển năng lực giao tiếp mà còn góp phần phát triển hiệu quả năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở người học.

c. Kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt được hình thành, vận dụng, củng cố thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; khả năng tích hợp liên môn giữa Ngữ văn với các môn học khác cũng được chú ý khai thác trong các bài học của Ngữ văn 6

Ngữ văn 6 không thiết kế những bài học độc lập, riêng biệt để dạy học kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt. Như đã nêu trên, kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt được trình bày trong phần *Tri thức ngữ văn*, được coi là công cụ để HS đọc hiểu. Đó là những kiến thức cơ bản, thiết yếu được lựa chọn và trình bày theo yêu cầu đọc hiểu được quy định trong chương trình, chứ không nhằm cung cấp kiến thức lí thuyết theo logic của khoa học nghiên cứu văn học. Phần *Thực hành tiếng Việt* sắp xếp ở cuối hoạt động đọc hiểu VB tạo cơ hội cho HS vận dụng các kiến thức tiếng Việt để nhận biết và phân tích tác dụng của việc sử dụng ngôn ngữ trong biểu đạt ý nghĩa, qua đó có thể đọc hiểu VB tốt hơn. Đồng thời, HS cũng có thể vận dụng các kiến thức tiếng Việt đó để viết, từ viết đoạn ngắn đến viết một VB trọn vẹn. Việc đặt *Thực hành tiếng Việt* sau hoạt động đọc, tiếp theo đó là viết, nói và nghe về những vấn đề được gợi ra từ VB đọc cho thấy rõ định hướng tổ chức dạy học tiếng Việt của *Ngữ văn 6* nhất quán theo quan điểm dạy học ngôn ngữ bám sát ngữ cảnh (Teaching language in context) nhưng vẫn bảo đảm tính hệ thống tương đối của kiến thức ngôn ngữ. Đó cũng là cách dạy học ngôn ngữ trong môn Ngữ văn mà các nước phát triển đã áp dụng từ nhiều thập niên qua. *Ngữ văn 6* không chỉ mở ra cánh cửa vào thế giới của ngôn ngữ và văn học với các VB truyện, thơ, kí giàu tính thẩm mỹ, các VB nghị luận chặt chẽ, sinh động, các VB thông tin chứa đựng nhiều kiến thức bổ ích, hấp dẫn, mà còn tạo điều kiện cho GV và HS có thể vận dụng những kênh thông tin khác nhau, những hiểu biết về các loại hình nghệ thuật, các lĩnh vực khoa học,... để tổ chức các hoạt động dạy học một cách sinh động. Cách thiết kế *Ngữ văn 6* bảo đảm không gian sáng tạo văn học và nghệ thuật cho cả thầy và trò.

d. Mục tiêu phát triển hứng thú, thói quen, kĩ năng tự đọc sách của HS được đặc biệt chú trọng

Ngoài hoạt động đọc mở rộng theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, *Ngữ văn 6* thiết kế mục *Thực hành đọc* sau phần *Củng cố, mở rộng* của mỗi bài học. *Thực hành đọc* cung cấp VB cùng thể loại, loại VB và cùng chủ đề với những VB đọc chính trong bài để HS có cơ hội vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học trong việc đọc một VB mới. Trước mỗi VB thực hành đọc có một số gợi ý, hướng dẫn. Qua nhiều lần thực hành đọc ở các bài, HS tiến dần đến mục tiêu trở thành một người đọc độc lập. Đặc biệt, bài 10. *Cuốn sách tôi yêu* được thiết kế dưới hình thức dự án dạy học Ngữ văn, dành thời gian để HS có thể đọc các tác phẩm tự chọn, viết, vẽ sáng tạo, trình bày và giới thiệu sản phẩm nghệ thuật (kết quả của hoạt động đọc, viết). Hoạt động học tập môn Ngữ văn được đa dạng hoá, trở nên sinh động và hấp dẫn hơn, qua đó HS có thể bộc lộ, phát triển cá tính, sở trường một cách tích cực.

2 PHÂN TÍCH CẤU TRÚC SÁCH

2.1. Phân tích ma trận nội dung

Nội dung *Ngữ văn 6* được thiết kế trước hết xuất phát từ yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018. Các yêu cầu cần đạt này là cơ sở để xây dựng yêu cầu cần đạt của mỗi bài học. Đến lượt mình, yêu cầu cần đạt của mỗi bài học quy định tất cả nội dung dạy học trong SGK. *Ngữ văn 6* được tổ chức thành 2 tập, tập một dành cho học kì I (18 tuần, trung bình mỗi tuần 4 tiết), tập hai dành cho học kì II (17 tuần, trung bình mỗi tuần 4 tiết).

TẬP MỘT

Ngữ văn 6, tập một có 5 bài học, được thiết kế theo hệ thống chủ đề với các VB thuộc thể loại truyện, thơ và du kí: 1. *Tôi và các bạn*; 2. *Gỗ của trái tim*; 3. *Yêu thương và chia sẻ*; 4. *Quê hương yêu dấu*; 5. *Những nẻo đường xứ sở*. Ngoài ra, có *Lời nói đầu* và *Hướng dẫn sử dụng sách* đặt ở đầu sách; *Bảng tra cứu thuật ngữ* (Index), *Bảng giải thích một số thuật ngữ* (Glossary) đặt ở cuối sách.

Sự phối hợp thống nhất giữa yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học được cụ thể hoá trong 5 bài học của *Ngữ văn 6*, tập một như sau:

Tên bài (1)	Nội dung dạy học (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1. TÔI VÀ CÁC BẠN	Ngữ liệu <ul style="list-style-type: none">VB 1: <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> (trích <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i>, Tô Hoài)VB 2: <i>Nếu cậu muốn có một người bạn...</i> (trích <i>Hoàng tử bé</i>, Antoine de Saint- Exupéry)	<ul style="list-style-type: none">Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

	<ul style="list-style-type: none"> ▪ VB 3: <i>Bắt nạt</i> (Nguyễn Thế Hoàng Linh) ▪ VB thực hành đọc: <i>Những người bạn</i> (trích <i>Tôi là Bê-tô</i>, Nguyễn Nhật Ánh) <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Truyện và truyện đồng thoại ▪ Cốt truyện ▪ Nhân vật ▪ Người kể chuyện ▪ Lời người kể chuyện và lời nhân vật ▪ Từ đơn và từ phức 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. ▪ Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong VB. ▪ Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; biết viết bài văn bảo đảm các bước. ▪ Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân. ▪ Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.
<p>2. GỖ CỬA TRÁI TIM</p>	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ VB 1: <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> (Xuân Quỳnh) ▪ VB 2: <i>Mây và sóng</i> (Rabindranath Tagore) ▪ VB 3: <i>Bức tranh của em gái tôi</i> (Tạ Duy Anh) ▪ VB thực hành đọc: <i>Những cánh bướm</i> (Hoàng Trung Thông) <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Một số đặc điểm của thơ ▪ Ẩn dụ 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. ▪ Nhận biết được ẩn dụ và hiểu được tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ. ▪ Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. ▪ Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống. ▪ Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.
<p>3. YẾU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ</p>	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ VB 1: <i>Cô bé bán diêm</i> (Hans Christian Andersen) ▪ VB 2: <i>Gió lạnh đầu mùa</i> (Thạch Lam) ▪ VB 3: <i>Con chào mào</i> (Mai Văn Phấn) ▪ VB thực hành đọc: <i>Lucky thực sự may mắn</i> (trích <i>Chuyện con mèo dạy hải âu bay</i> – Luis Sepúlveda) <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Miêu tả nhân vật trong truyện kể ▪ Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai VB. ▪ Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra. ▪ Nhận biết được cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và hiểu được tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ này để mở rộng thành phần chính của câu.

		<ul style="list-style-type: none"> Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. Biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân. Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.
4. QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> VB 1: <i>Chùm ca dao về quê hương đất nước</i> VB 2: <i>Chuyện cổ nước mình</i> (Lâm Thị Mỹ Dạ) VB 3: <i>Cây tre Việt Nam</i> (Thép Mới) VB thực hành đọc: <i>Hành trình của bầy ong</i> (Nguyễn Đức Mậu) <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> Thơ lục bát Lục bát biến thể Từ đồng âm và từ đa nghĩa Hoán dụ 	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB. Nhận biết được từ đồng âm, từ đa nghĩa; nhận biết được hoán dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ. Bước đầu biết làm bài thơ lục bát và viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát. Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống. Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hoá truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.
5. NHỮNG NẾO ĐƯỜNG XỨ SỞ	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> VB 1: <i>Cô Tô</i> (trích – Nguyễn Tuân) VB 2: <i>Hang Én</i> (Hà My) VB 3: <i>Cửu Long Giang ta ơi</i> (trích – Nguyễn Hồng) VB thực hành đọc: <i>Nghìn năm tháp Khương Mỹ</i> (Lam Linh) <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> Kí Du kí Dấu ngoặc kép 	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí. Hiểu được công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt). Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt. Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến. Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

TẬP HAI

Ngữ văn 6, tập hai có 5 bài học, trong đó 4 bài được thiết kế theo hệ thống chủ đề với các VB thuộc thể loại truyền thuyết, cổ tích và loại VB nghị luận, VB thông tin: 6. *Chuyện kể về những người anh hùng*; 7. *Thế giới cổ tích*; 8. *Khác biệt và gần gũi*; 9. *Trái Đất – ngôi nhà chung*. Bài 10. *Cuốn sách tôi yêu* được thiết kế theo hình thức dự án học tập. Ngoài ra, còn có *Bảng tra cứu thuật ngữ* (Index), *Giải thích một số thuật ngữ* (Glossary) và *Bảng tra cứu các yếu tố Hán Việt* đặt ở cuối sách.

Sự phối hợp, thống nhất giữa yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học được cụ thể hoá trong 5 bài học của sách *Ngữ văn 6, tập hai* như sau:

Tên bài (1)	Nội dung dạy học (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
6. CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> VB 1: <i>Thánh Gióng</i> VB 2: <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> VB 3: <i>Ai ơi mông 9 tháng 4</i> (Anh Thư) VB thực hành đọc: <i>Bánh chưng, bánh giầy</i> <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> Truyền thuyết Một số yếu tố của truyền thuyết VB thông tin thuật lại một sự kiện Dấu chấm phẩy 	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo; nhận biết được chủ đề của văn bản. Nhận biết được VB thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai VB thông tin theo trật tự thời gian. Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp). Bước đầu biết viết VB thông tin thuật lại một sự kiện. Kể được một truyền thuyết. Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.
7. THẾ GIỚI CỔ TÍCH	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> VB 1: <i>Thạch Sanh</i> VB 2: <i>Cây khế</i> VB 3: <i>Vua chích choè</i> VB thực hành đọc: <i>Sọ Dừa</i> <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> Truyện cổ tích Một số yếu tố của truyện cổ tích 	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo. Nêu được ấn tượng chung về VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn. Biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ để đọc, viết, nói và nghe.

		<ul style="list-style-type: none"> Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích. Kể được một truyện cổ tích một cách sinh động. Sống vị tha, yêu thương con người; trung thực, khiêm tốn.
8. KHÁC BIỆT VÀ GẮN GỬI	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> VB 1: <i>Xem người ta kia!</i> (Lạc Thanh) VB 2: <i>Hai loại khác biệt</i> (Youngme Moon) VB 3: <i>Bài tập làm văn</i> (trích <i>Nhóc Nicolas: những chuyện chưa kể</i>, René Goscinny viết lời và Jean-Jacques Sempé vẽ tranh) VB thực hành đọc: <i>Tiếng cười không muốn nghe</i> (Minh Đăng) <p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> VB nghị luận Các yếu tố cơ bản trong VB nghị luận Trạng ngữ Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của VB 	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn. Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân. Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ; hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa. Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm. Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đề); tóm tắt được ý kiến của người khác. Sống trung thực, thể hiện đúng những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.
9. TRÁI ĐẤT – NGÔI NHÀ CHUNG	<p>Ngữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> VB 1: <i>Trái Đất – cái nôi của sự sống</i> (Hồ Thanh Trang) VB 2: <i>Các loài chung sống với nhau như thế nào?</i> (Ngọc Phú) VB 3: <i>Trái Đất</i> (Rasul Gamzatov) VB thực hành đọc: <i>Sinh vật trên Trái Đất được hình thành như thế nào?</i> (Nguyễn Quang Riệu) 	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được đặc điểm, chức năng của VB và đoạn văn; nhận biết được cách triển khai VB thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một VB thông tin có nhiều đoạn. Nhận biết được các chi tiết trong VB thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của VB; hiểu được tác dụng của nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và hiểu được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu,...

	<p>Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Văn bản ▪ Đoạn văn trong VB ▪ Các yếu tố và cách triển khai của VB thông tin ▪ VB đa phương thức ▪ Từ mượn và hiện tượng vay mượn từ 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp. ▪ Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách; tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số VB đơn giản đã đọc. ▪ Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất. ▪ Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong VB có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân; có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.
<p>10. CUỐN SÁCH TÔI YÊU</p>	<p>Ngữ liệu</p> <p>VB: <i>Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi</i> (Minh Khoa)</p> <p>Tri thức ngữ văn</p> <p>VB nghị luận văn học</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phát triển kĩ năng tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học. ▪ Nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học. ▪ Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. ▪ Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc. ▪ Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

2.2. Phân tích kết cấu bài học

Như đã nêu trên, *Ngữ văn 6* gồm có 10 bài học. Tên bài thể hiện phần nào chủ đề bài học (riêng bài 10 là một dự án đọc sách). Các VB được lựa chọn làm ngữ liệu trong mỗi bài vừa có nội dung gắn với chủ đề vừa có đặc điểm của thể loại, loại VB trọng tâm của bài đó. Hệ thống chủ đề trong cả bộ sách được phát triển từ chủ đề thuộc phạm vi đời sống gần gũi nhất với mỗi HS là bản thân và bạn bè, gia đình đến các chủ đề thuộc phạm vi rộng lớn hơn là xã hội và quê hương đất nước ở tập một; từ những câu chuyện đời xưa đến những vấn đề của cuộc sống hiện tại ở tập hai.

Như vậy, tuy tên các bài học dựa vào tên chủ đề (nội dung), nhưng các VB được lựa chọn và cách khai thác thì không chỉ dựa vào chủ đề mà còn dựa vào đặc điểm thể loại, loại VB của VB được lựa chọn. Các thể loại, loại VB được phân bố đan xen để bảo đảm HS không phải học một thể loại, loại VB trong hai bài liên tục. Tỷ lệ các bài học cho mỗi thể loại, loại VB cũng được tính toán kĩ, trong đó truyện chiếm tỷ lệ lớn hơn cả:

4/ 9 bài (trong đó có 2 bài dành cho truyện dân gian) (không tính bài 10 có tính chất tổng hợp về thể loại, loại VB), sau đó là thơ: 2/ 9 bài, kí: 1/ 9 bài, VB nghị luận: 1/ 9 bài, VB thông tin: 1/ 9 bài (có một phần VB thông tin được học trong bài 6). Tỷ lệ các thể loại (hay loại VB nói chung) được phân bổ như vậy vừa đáp ứng được yêu cầu của chương trình vừa phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS lớp 6.

2.3. Cấu trúc mỗi bài học theo các mạch kiến thức và kĩ năng

a. Mỗi bài học trong sách *Ngữ văn 6* được thiết kế trong khoảng 12 – 16 tiết. Các bài đều có cấu trúc thống nhất, trừ bài 10 *Cuốn sách tôi yêu* có mạch riêng và thời gian tổ chức hoạt động dạy học khác biệt (chỉ khoảng 8 tiết). Các bài học trong *Ngữ văn 6* được tổ chức theo mạch hoạt động chính gồm các phần: Đọc – Viết – Nói và nghe.

Ngữ văn 6 thiết kế phần mở đầu nhằm giúp GV và HS nắm được định hướng chung và yêu cầu của bài học, tạo cảm hứng khám phá bài học, đồng thời trang bị cho HS một số tri thức ngữ văn, chủ yếu là kiến thức về thể loại, loại VB của các VB đọc chính, để các em có công cụ đọc hiểu VB một cách hiệu quả, sau đó vận dụng vào việc tạo lập VB⁽¹⁾. Cụ thể, phần mở đầu này bao gồm:

- Tên bài: Tên bài thể hiện phần nào chủ đề của bài học, gợi mở đề tài và nội dung của các VB;
- Đề từ: Nêu một quan niệm có tính triết lí hoặc gợi liên tưởng, cảm hứng có liên quan đến chủ đề của bài học.
- Giới thiệu bài học: Trình bày rõ chủ đề, thông điệp và thể loại, loại VB chính của bài học.
- Yêu cầu cần đạt: Xác định yêu cầu đối với các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; yêu cầu vận dụng kiến thức tiếng Việt; yêu cầu về phẩm chất của người học.
- Tri thức ngữ văn: Trang bị các khái niệm công cụ giúp HS thực hiện các hoạt động học tập trong bài học.

b. Mạch nội dung chính của các bài học bám sát yêu cầu cần đạt theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018. Những yêu cầu cần đạt này được lựa chọn, sắp xếp vào các hoạt động chính của mỗi bài học.

- Đọc: Mỗi bài học có 3 VB đọc hiểu có chung chủ đề do bài học quy định, trong đó có 2 VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính được học trong bài, VB 3 kết nối với VB 1 và VB 2 về chủ đề, đề tài, nhưng khác về thể loại, loại VB. Mạch kiến thức tiếng Việt được phân bố trong phần *Thực hành tiếng Việt*, thường được đặt sau VB 1 và VB 2, đôi khi sau VB 3 do yêu cầu ngữ liệu phù hợp với vấn đề tiếng Việt cần

⁽¹⁾ Lưu ý, trong *Tri thức ngữ văn* có kiến thức về tiếng Việt. Tuy nhiên, những kiến thức tiếng Việt này chỉ nên cung cấp cho HS ngay trước khi các em thực hành tiếng Việt, chứ không phải trước khi đọc VB để tránh tình trạng HS phải học quá nhiều kiến thức lí thuyết cùng một lúc mà không được vận dụng ngay.

thực hành.

VB 1: Hoạt động đọc hiểu VB thuộc thể loại, loại VB chính.

Thực hành tiếng Việt: vận dụng vào việc đọc hiểu VB, sau đó là viết, nói và nghe.

VB 2: Hoạt động đọc hiểu VB thuộc thể loại, loại VB chính.

Thực hành tiếng Việt: vận dụng vào việc đọc hiểu VB, sau đó là viết, nói và nghe.

VB 3: Hoạt động đọc hiểu hướng chủ yếu vào nội dung, chủ đề của VB. Việc đưa VB 3 có nội dung thuộc chủ đề bài học, nhưng thường khác thể loại, loại VB với VB 1 và VB 2 vừa làm cho bài học sinh động, tránh được cái “khung cứng” của thể loại, loại VB vừa giúp HS thấy được các VB thuộc những thể loại, loại VB khác nhau có thể gắn gũi về nội dung, chủ đề, nhưng được thể hiện theo những cách khác nhau.

- **Viết:** Tìm hiểu yêu cầu đối với mỗi kiểu bài, phân tích bài viết tham khảo và thực hành viết theo các bước.
- **Nói và nghe:** Thực hành để phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình, thảo luận; chú ý tăng cường kỹ năng tương tác cho HS.
- **Củng cố, mở rộng:** Luyện tập, củng cố một số kỹ năng và ôn lại những kiến thức chính trong bài học.
- **Thực hành đọc:** VB đọc thuộc cùng thể loại, loại VB với các VB đọc chính và có nội dung thuộc phạm vi đề tài của bài học. Với việc đưa VB thực hành đọc vào cuối mỗi bài học, *Ngữ văn 6* tạo cho HS cơ hội vận dụng kỹ năng đọc hiểu VB theo thể loại, loại VB và huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm từ việc đọc các VB trước trong bài học để thực hành tự đọc VB. Trước mỗi VB dùng cho thực hành đọc, sách có một số gợi ý để HS có định hướng tự đọc VB hiệu quả hơn. Ngoài gợi ý của sách, GV cũng có thể có một số hỗ trợ nếu cần.

Khác với tất cả các bài trong *Ngữ văn 6*, bài cuối cùng (*Cuốn sách tôi yêu*) dành cho những hoạt động trải nghiệm, tích hợp liên môn: Ngữ văn, Mĩ thuật,... Các hoạt động thiết kế trong bài học này tạo cơ hội cho HS vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng được tích lũy trong năm học để đọc mở rộng, viết sáng tạo và trình bày, giới thiệu trên cơ sở các sản phẩm đã thực hiện được trong quá trình đọc và viết.

c. Như vậy, khác với SGK *Ngữ văn 6* theo chương trình năm 2006, SGK *Ngữ văn 6* (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*) không thiết kế bài học theo các “phân môn” (Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn) mà theo các hoạt động giao tiếp cơ bản: đọc, viết, nói và nghe. Chuyển từ cấu trúc bài học theo phân môn sang cấu trúc bài học theo các hoạt động giao tiếp là sự thay đổi rất căn bản trong mô hình SGK mới so với SGK theo mô hình truyền thống.

2.4. Phân tích một số chủ đề (bài học) đặc trưng

Tất cả các bài học trong SGK *Ngữ văn 6* (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*) đều thể hiện sự đổi mới rõ nét trong thiết kế theo mô hình SGK phát triển phẩm chất và năng

lục. Có thể lấy hai bài học làm ví dụ minh họa.

Ví dụ minh họa thứ nhất là bài 1. *Tôi và các bạn* (Ngữ văn 6, tập một). Chủ đề của bài học là tình bạn, hướng đến giáo dục tình cảm cho HS ở lứa tuổi có nhiều trải nghiệm về tình bạn và lớn lên từng ngày. Thể loại VB chính là truyện, trong đó có truyện đồng thoại. Các yêu cầu cần đạt của mỗi bài học được thiết kế dựa vào những yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình, trong đó có yêu cầu về đọc: nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại và người kể chuyện ngôi thứ nhất; nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật; yêu cầu về viết: viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết bài văn bảo đảm các bước; yêu cầu về nói và nghe: biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

Các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cần phải được lựa chọn và kết hợp với nhau sao cho bảo đảm được sự kết nối, tích hợp giữa đọc với viết, nói và nghe, để bài học trở thành một chỉnh thể chặt chẽ. Khác với SGK *Ngữ văn 6* theo Chương trình năm 2006 lấy nội dung dạy học làm xuất phát điểm để thiết kế bài học, trong SGK *Ngữ văn 6* (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), yêu cầu cần đạt (mục tiêu) quyết định tất cả các phần còn lại của bài học. Việc chọn chủ đề *Tôi và các bạn* mở đầu bộ sách (năm học) vừa phù hợp với tâm lí, hứng thú của HS, vừa có thể tìm kiếm ngữ liệu phù hợp để khai thác theo yêu cầu cần đạt của bài học. Hai VB thuộc thể loại truyện (thể loại chính của bài học) được lựa chọn là *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài), *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (trích *Hoàng tử bé* của Antonie de Saint-Exupéry). Sau hai VB này, HS được đọc một VB khác cùng chủ đề nhưng khác thể loại, đó là bài thơ *Bất nạt* (Nguyễn Thế Hoàng Linh) để thấy rằng chủ đề bạn bè có thể được thể hiện trong VB truyện hoặc thơ... Cách đưa VB 3 vào bài học vừa giúp HS nhận thấy được mỗi thể loại đều có những nét đặc trưng khi thể hiện cùng một chủ đề, vừa làm cho bài học đỡ đơn điệu vì HS không phải học nhiều VB thuộc cùng một thể loại trong thời gian dài. Cuối bài 1 có VB thực hành đọc *Những người bạn* (trích *Tôi là Bê-tô* của Nguyễn Nhật Ánh) vừa cùng chủ đề vừa cùng thể loại với 2 VB đọc chính. Với bài 1, VB thực hành đọc cần phải thuộc thể loại truyện, có các yếu tố thể loại đáp ứng yêu cầu cần đạt về đọc hiểu trong bài học. VB này cũng nên có chủ đề về tình bạn để HS có thể huy động hiểu biết và trải nghiệm mà các em có được qua việc đọc *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài), *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (trích *Hoàng tử bé* của Antonie de Saint-Exupéry) để đọc hiểu. *Những người bạn* (trích *Tôi là Bê-tô* của Nguyễn Nhật Ánh) đáp ứng đầy đủ những yêu cầu vừa nêu.

Ví dụ minh họa thứ hai là bài 8. *Khác biệt và gần gũi* (Ngữ văn 6, tập hai). Chủ đề của bài học là sự khác nhau và giống nhau giữa mọi người trong xã hội, hướng đến giáo dục ý thức tôn trọng sự khác biệt và cá tính riêng của mỗi người. Loại VB chính là VB nghị luận. Các yêu cầu cần đạt của bài học được thiết kế dựa vào những yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018,

trong có đó yêu cầu về đọc: nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận; tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân; yêu cầu về viết: bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm; yêu cầu về nói và nghe: trình bày ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đề); tóm tắt được ý kiến của người khác.

Việc chọn chủ đề *Khác biệt và gần gũi* cho bài học về VB nghị luận sẽ khơi gợi được mối quan tâm của HS, nhờ đó các em có thể có nhiều ý kiến để trao đổi. Chủ đề này cũng tạo điều kiện cho tác giả có thể tìm kiếm ngữ liệu phù hợp để khai thác theo yêu cầu của bài học như đã nêu trên. Hai VB thuộc loại VB nghị luận (loại VB chính của bài học) được lựa chọn là *Xem người ta kia!* (Lạc Thanh) và *Hai loại khác biệt* (Youngme Moon). Sau hai VB này, tương tự như bài 1, HS được đọc một VB khác cùng chủ đề nhưng khác loại VB, đó là *Bài tập làm văn* (trích *Nhóc Nicolas: những chuyện chưa kể* của René Goscinny và Jean-Jacques Sempé). Cuối bài 8 có VB để HS thực hành đọc: *Tiếng cười không muốn nghe* (Minh Đăng). Yêu cầu đối với VB thực hành đọc ở đây cũng tương tự đối với VB thực hành đọc ở bài 1.

Trong hai bài học trên, cũng như các bài học còn lại trong *Ngữ văn 6*, quy trình đọc các VB thuộc thể loại, loại VB chính đều được chia làm 3 bước: trước khi đọc, đọc VB và sau khi đọc. Các câu hỏi sau khi đọc được chia thành 3 nhóm, phân biệt theo 3 cấp độ đọc hiểu: câu hỏi nhận biết; câu hỏi phân tích, suy luận; câu hỏi đánh giá, vận dụng. Các câu hỏi đều hướng đến mục tiêu không chỉ giúp HS đọc hiểu chính VB trong bài mà còn có khả năng vận dụng để đọc các VB khác thuộc cùng thể loại, loại VB, qua đó phát triển năng lực đọc cho người học.

Sau mỗi VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính (VB 1 và VB 2), đôi khi sau VB 3, HS được thực hành tiếng Việt dựa trên những đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB đọc. Thông qua đó người học cũng từng bước được cung cấp kiến thức tiếng Việt và vận dụng ngay vào ngữ cảnh VB đọc. Kiến thức tiếng Việt trong bài 1 có từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); trong bài 8 có trạng ngữ, tác dụng của lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của VB. Ngoài kiến thức mới ở lớp 6, *Ngữ văn 6* còn tận dụng cơ hội khai thác kiến thức đã học ở tiểu học để HS vận dụng thực hành nếu VB đọc có đơn vị hay hiện tượng ngôn ngữ có liên quan, chẳng hạn ở bài 1 có biện pháp tu từ so sánh (HS được học từ lớp 3) và biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ (HS được học từ lớp 5). Như vậy, khác với SGK *Ngữ văn 6* theo Chương trình năm 2006 vốn coi trọng cung cấp kiến thức ngôn ngữ cho HS một cách hệ thống, SGK *Ngữ văn 6* (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*) dạy học tiếng Việt không theo logic kiến thức của Việt ngữ học mà gắn với giao tiếp thực tế, nhờ đó tăng cường tính chất ứng dụng của việc học kiến thức tiếng Việt.

Sau đọc VB và thực hành tiếng Việt là hoạt động viết. Quy trình dạy viết cũng có những thay đổi căn bản. Trước khi viết bài thuộc một kiểu bài cụ thể, HS được hướng

dẫn tìm hiểu các yêu cầu đối với kiểu bài viết đó. Với bài 1, HS sẽ tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một trải nghiệm; với bài 8, HS sẽ tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm. Tiếp đến, HS được phân tích một bài viết tham khảo. Ở bài 1, HS được đọc bài văn *Người bạn nhỏ*, kể lại một trải nghiệm buồn với chú mèo được người viết coi như người bạn nhỏ, gần bó, thân thiết, bỗng một ngày chú mèo đi đâu đó và không trở về. Bài văn cung cấp cho HS một mô hình hay cấu trúc kiểu bài để các em hình dung cách viết bài văn chia sẻ một trải nghiệm, nhất là những yêu cầu cần phải có đối với kiểu bài này. Còn chất liệu, trải nghiệm, cảm xúc thì HS phải huy động, khai thác từ chính cuộc sống của mình. Đây chính là cách hướng dẫn viết vừa giúp HS biết viết đúng kiểu bài vừa phát huy khả năng tưởng tượng, sáng tạo của các em, tránh được lối viết văn sáo mòn, sao chép. Ở bài 8, HS được đọc bài viết tham khảo *Câu chuyện đồng phục*, trong đó người viết trình bày ý kiến của mình về việc có nên quy định HS mặc đồng phục ở trường hay không. Bài viết đã sử dụng các lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc đồng tình với ý kiến HS nên được mặc đồng phục. Bài viết tham khảo này cũng cung cấp cho HS một mô hình hay cấu trúc kiểu bài để các em hình dung cách viết bài văn nghị luận, cách nêu ý kiến, cách dùng lí lẽ và bằng chứng để khẳng định ý kiến của mình. Cuối cùng, ở hoạt động viết, HS được thực hành viết theo các bước: trước khi viết, viết bài và chỉnh sửa bài viết. Các bước được sách hướng dẫn rất cụ thể, để nếu HS theo đúng quy trình hướng dẫn này, đều có thể viết được bài văn đáp ứng yêu cầu.

Tiếp theo hoạt động viết, HS được thực hành nói và nghe. Nội dung nói và nghe chủ yếu dựa vào những gì đã viết, nhưng đôi khi dựa vào chủ đề của bài học và chất liệu của các VB đọc. Ở bài 1, HS được thực hành kể lại một trải nghiệm. Ở bài 8, HS được thực hành trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống. Theo cách này, nội dung bài viết là chất liệu để HS chuẩn bị các ý tưởng và thông tin nhằm thực hành nói và nghe. Ở hoạt động nói và nghe, mỗi bài học trong sách cũng đều có những hướng dẫn rất cụ thể, theo quy trình gồm 3 bước: trước khi nói, trình bày bài nói, sau khi nói.

Sau hoạt động nói và nghe là phần *Củng cố, mở rộng*. Cuối bài học là VB thực hành đọc. Đây là VB HS tự đọc, cho nên có thể coi là phần nằm ngoài bài học ở lớp. Từ cách thiết kế nội dung phần củng cố, mở rộng đến việc đưa VB thực hành đọc để HS vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để tự đọc một VB mới trong bài 1 và bài 8 (và các bài học khác trong *Ngữ văn 6* nói chung) đều thể hiện rõ nét cách thiết kế sách nhằm phát triển năng lực cho người học. Sau mỗi bài học, HS tiến dần đến mục tiêu trở thành một người đọc độc lập. Các em cũng không ngừng được rèn luyện kĩ năng viết, nói và nghe để đáp ứng nhu cầu đời sống và công việc sau này.

3 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Ngữ văn

SGK *Ngữ văn 6* tuân thủ định hướng đổi mới phương pháp dạy học của Chương trình

giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, cụ thể:

a. Phát huy tính tích cực của người học

Đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực, SGK *Ngữ văn 6* coi trọng những phương pháp tổ chức dạy và học để HS hình thành cách học, cách tiếp nhận và tạo lập VB; thực hành, luyện tập, vận dụng nhiều thể loại và kiểu VB khác nhau. Từ đó, HS có khả năng học suốt đời và khả năng giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Nhiệm vụ của GV là hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ để HS từng bước hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực nêu trong mục tiêu của chương trình.

b. Dạy học tích hợp và phân hoá

Dạy học tích hợp đòi hỏi GV Ngữ văn trước hết phải thấy được mối liên hệ nội môn, theo đó nội dung dạy đọc có liên quan và lặp lại ở các nội dung dạy viết, nói và nghe; kiến thức và kỹ năng đọc hiểu mà HS tích lũy được trong quá trình tiếp nhận VB thuộc các thể loại, loại VB khác nhau sẽ giúp cho kỹ năng viết, nói và nghe tốt hơn. Những kiến thức và cách diễn đạt mà HS học được trong quá trình đọc sẽ được sử dụng để thực hành viết. Nhiều nội dung được học khi đọc và viết sẽ được HS sử dụng khi nói. Cùng với yêu cầu tích hợp nội môn, trong khi dạy, GV còn phải biết tận dụng các cơ hội để lồng ghép một cách nhuần nhuyễn, hợp lý vào giờ học các yêu cầu giáo dục liên môn (Lịch sử và Địa lí, Giáo dục công dân, Mĩ thuật, Âm nhạc) và những nội dung giáo dục ưu tiên xuyên suốt trong chương trình giáo dục phổ thông (chủ quyền quốc gia, hội nhập quốc tế, giữ gìn bản sắc văn hoá, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới, giáo dục tài chính,...).

Dạy học phân hoá có thể thực hiện bằng nhiều cách: nêu các câu hỏi, bài tập theo nhiều mức độ khác nhau; yêu cầu HS làm việc và lựa chọn vấn đề phù hợp với mình để giải quyết.

c. Đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học

SGK *Ngữ văn 6* coi trọng kết hợp các hình thức dạy học theo cá nhân, theo nhóm, theo quy mô cả lớp được tổ chức trong và ngoài nhà trường. Những hình thức học bằng tham quan, dã ngoại, phỏng vấn, trải nghiệm, thực hiện dự án,... được khuyến nghị GV sử dụng khi dạy môn Ngữ văn, tạo cơ hội để HS học thông qua trải nghiệm.

Để tổ chức hoạt động học tập cho HS, sách coi việc sử dụng các phương tiện dạy học là một yêu cầu bắt buộc để khắc phục tình trạng dạy theo kiểu đọc chép, đồng thời phát triển tư duy cũng như rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương tiện cho HS. Các phương tiện dạy học thường xuyên được sử dụng gồm: SHS; sách tham khảo, tài liệu in và tài liệu đa phương tiện; tác phẩm văn học theo chủ đề, theo thể loại, loại VB để HS đọc mở rộng, sách bài tập, máy tính nối mạng; các phương tiện trực quan: tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu,... Trong số các phương tiện nói trên, máy tính nối mạng cần được xem là một phương tiện quan trọng giúp HS có điều kiện sử dụng công nghệ thông tin để tự học, học tập hợp tác qua mạng.

Theo định hướng của chương trình, SGK *Ngữ văn 6* khuyến khích GV sử dụng phối

hợp một cách hợp lí các hình thức, phương pháp và phương tiện trong dạy học.

3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Để dạy học SGK *Ngữ văn 6*, GV cần nghiên cứu kĩ định hướng đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn trong chương trình và áp dụng một cách linh hoạt, sáng tạo vào hoạt động dạy học. Sau đây là những hướng dẫn và gợi ý bổ sung để tổ chức dạy học các phần trong mỗi bài học của SGK *Ngữ văn 6*.

a. Tổ chức hoạt động dạy học phần mở đầu bài học

Giới thiệu bài học giúp HS định hướng được chủ đề, triết lí của bài học và gợi cảm hứng cho các em. Phần *Giới thiệu bài học* còn có lưu ý thêm về thể loại, loại VB chính của các VB đọc để thực hiện yêu cầu cần đạt của bài học. GV nên tổ chức các hoạt động khởi động nhẹ nhàng và hấp dẫn để HS có thể vận dụng vốn sống, vốn hiểu biết sẵn có, sẵn sàng tiếp cận tri thức mới được gợi ra từ phần mở đầu của bài học. Phần *Tri thức ngữ văn*, tuy trong SHS được đặt trong phần Đọc vì nó chủ yếu cung cấp công cụ cho đọc, nhưng vì được dạy học ngay sau phần *Giới thiệu bài học* và liên quan đến việc hình thành kiến thức lí thuyết cho HS nên GV tổ chức dạy học *Tri thức ngữ văn* ở mục a này để sang mục b chỉ tập trung vào tổ chức dạy học đọc VB cụ thể.

b. Tổ chức hoạt động dạy học đọc VB

Như đã nêu trên, hoạt động đọc được thiết kế với 3 bước: trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc. GV cần chú ý đến cả 3 bước này. *Trước khi đọc* có mục tiêu khởi động, chuẩn bị tâm thế cho người học. Vì thế, GV cần khơi gợi để HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc nhằm chuẩn bị tiếp cận VB đọc với tư cách một người đọc chủ động và tích cực. Như vậy, ngoài việc trang bị cho HS các khái niệm công cụ để đọc hiểu VB theo mô hình thể loại, loại VB như đã nói ở trên, GV còn cần "kích hoạt" đối tượng tiếp nhận để HS đọc hiểu VB trên nền tảng hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc của chính các em.

Trong khi đọc có những gợi ý về chiến lược đọc, được đặt trong các thẻ ở bên phải VB đọc, HS cần được hướng dẫn và chuẩn bị trước khi học trên lớp. GV cần có những lưu ý để HS quan tâm tới các chiến lược đọc này khi tự đọc thầm VB hay trong khi nghe GV hoặc bạn đọc thành tiếng, đọc mẫu trên lớp. Phần lớn các câu hỏi *Trong khi đọc* không yêu cầu HS phải dừng lại để trả lời mà chỉ là những lưu ý, chỉ dẫn để hỗ trợ HS trong quá trình đọc. GV nên làm mẫu cho HS để các em hiểu được trong quá trình đọc, các kiểu câu hỏi *Trong khi đọc* như suy luận, hình dung, tưởng tượng, dự đoán,... có tác dụng hỗ trợ như thế nào cho người đọc. Chẳng hạn, suy luận là suy đoán về điều mà tác giả không thể hiện trực tiếp trên VB. Kĩ năng này giúp người đọc nhìn sâu hơn vào suy nghĩ, hành động của nhân vật, kết nối được các sự việc, chi tiết trong VB, nhờ đó hiểu sâu sắc hơn nội dung và thông điệp của VB. GV hướng dẫn HS kết nối hiểu biết, trải nghiệm của chính mình với suy nghĩ, hành động của nhân vật, các sự việc, chi

tiết trong khi đọc để hiểu được ẩn ý của tác giả. Hình dung, tưởng tượng là “vẽ” trong đầu hình ảnh về nhân vật, sự kiện, bối cảnh,... xuất hiện trong VB đọc. Kỹ năng này giúp người đọc hiểu và ghi nhớ các nhân vật, sự việc, chi tiết trong quá trình đọc. GV hướng dẫn HS sử dụng các chi tiết từ VB đồng thời sử dụng những trải nghiệm của chính mình để tạo ra các hình ảnh trong đầu. Dự đoán là đoán trước điều có thể xảy ra tiếp theo trong VB. Kỹ năng này giúp người đọc tham gia chủ động vào câu chuyện và phát triển kỹ năng suy đoán, làm cho việc đọc trở nên hấp dẫn và thú vị hơn. Trong quá trình đọc, những dự đoán ban đầu có thể được điều chỉnh khi người đọc có thêm thông tin. GV hướng dẫn HS dựa vào các dữ liệu trong VB như cách miêu tả bối cảnh và nhân vật, các sự việc đã xảy ra cho đến lúc dự đoán,... và hiểu biết, trải nghiệm của chính người đọc để suy đoán các sự kiện tiếp theo trong VB. Dựa vào nhan đề và tranh ảnh minh họa để suy đoán nội dung của VB cũng là một chiến lược gắn gũi với dự đoán.

Nếu HS đọc trước VB ở nhà thì chiến lược dự đoán được áp dụng cho lần đọc đầu tiên đó. Tuy vậy, ở lớp GV vẫn có thể yêu cầu HS chia sẻ xem các em đã dự đoán như thế nào. Có những câu hỏi hay yêu cầu trong khi đọc HS chỉ cần chú ý để tăng thêm hiệu quả đọc hiểu (như câu hỏi hay yêu cầu thuộc chiến lược hình dung, tưởng tượng, suy luận, theo dõi,...). Nhưng cũng có những câu hỏi, yêu cầu trong khi đọc HS có thể dừng lại và chia sẻ câu trả lời hay phản hồi (như chiến lược dự đoán). Trong khi đọc mẫu hay trong khi HS đọc thành tiếng, thỉnh thoảng GV có thể diễn giải lại cho HS nghe những gì diễn ra trong đầu với tư cách một người đọc có kinh nghiệm khi gặp những câu hỏi *Trong khi đọc*. Cùng với hoạt động trong khi đọc, GV cần hướng dẫn để HS có kỹ năng chủ động tìm hiểu các từ ngữ đã được chú thích hoặc tự tìm hiểu thêm những từ ngữ mới, khó trong VB.

Hệ thống câu hỏi *Sau khi đọc* bám sát yêu cầu cần đạt của bài học. Cần nhấn mạnh, các câu hỏi *Sau khi đọc* chú ý khai thác những đặc điểm của VB xét về mặt thể loại, loại VB để thông qua việc đọc hiểu một VB cụ thể, HS từng bước hình thành và phát triển kỹ năng đọc các VB khác cùng thể loại, loại VB. HS cần đọc những câu hỏi này và chuẩn bị bài trước khi học trên lớp. Trên cơ sở hệ thống câu hỏi của SHS, GV có thể sắp xếp lại các câu hỏi hay bổ sung, sáng tạo các câu hỏi khác nhằm bảo đảm hoạt động đọc hiểu thêm hiệu quả, nhưng không làm tăng áp lực lên HS và không đi chệch yêu cầu cần đạt của bài học.

c. Tổ chức hoạt động dạy học thực hành tiếng Việt

Thực hành tiếng Việt được sắp xếp ngay sau hoạt động đọc VB và viết kết nối với đọc. Mục tiêu của hoạt động thực hành tiếng Việt là dùng những kiến thức về tiếng Việt được hình thành trong bài học hoặc đã học trước đó để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ, nhất là những điểm đặc sắc trong một VB, nhờ thế HS có thể hiểu VB đã đọc một cách sâu sắc hơn, từ đó vận dụng để đọc những VB khác. Ngoài ngữ liệu đã được dẫn trong hệ thống bài tập *Thực hành tiếng Việt*, GV có thể khai thác thêm các

ngữ liệu khác được lấy từ bài đọc để HS có thêm cơ hội tìm hiểu và học hỏi cách sử dụng ngôn ngữ trong VB. GV cần lưu ý bảo đảm phương châm dạy học ngôn ngữ qua ngữ cảnh để HS nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Việt, không dạy học tiếng Việt chỉ nhằm đến mục tiêu giúp HS nắm được kiến thức về tiếng Việt. Tuy kiến thức tiếng Việt mới gắn với từng bài được trình bày trong mục *Tri thức ngữ văn*, nhưng chỉ yêu cầu HS đọc trước toàn bộ ở nhà. Còn ở lớp thì trong hoạt động *Khám phá tri thức ngữ văn*, GV chưa cung cấp kiến thức tiếng Việt mà chỉ cung cấp các kiến thức về thể loại, loại VB để HS có kỹ năng đọc VB theo thể loại, loại VB. Kiến thức được dạy học theo nguyên tắc *cần ở đâu dạy ở đó*; không dạy tất cả kiến thức một lần cho toàn bài học lớn. Nói cách khác, các kiến thức được chọn lựa để cung cấp cho HS ở từng thời điểm trong quá trình dạy học. Chẳng hạn, ở bài 1. *Tôi và các bạn*, HS cần được cung cấp kiến thức về truyện, truyện đồng thoại, nhân vật, ngôi kể,... trước khi đọc *Bài học đường đời đầu tiên*. Nhưng kiến thức về từ đơn và từ phức thì các em sẽ được học ngay trước khi thực hành về từ đơn, từ phức.

d. Tổ chức hoạt động dạy học viết

GV cần hướng dẫn HS hiểu rõ các yêu cầu cụ thể đối với mỗi kiểu bài viết cũng như quy trình viết để chủ động thực hành và phát triển năng lực viết. Trong khi hướng dẫn HS viết bài, GV cần có những hoạt động phù hợp để huy động được hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm và khơi gợi được hứng thú, cảm xúc của HS để các em có được những bài viết vừa đáp ứng được yêu cầu về kiểu VB viết vừa có tính sáng tạo. Việc hướng dẫn HS tự kiểm soát, chỉnh sửa, nâng cấp bài viết rất quan trọng. Nên khuyến khích HS trao đổi và chia sẻ thông tin, ý tưởng trong quá trình chuẩn bị nội dung viết và chỉnh sửa bài viết. Ngoài bài viết tham khảo trong SHS, GV có thể sử dụng thêm các ngữ liệu khác minh họa cho các kiểu bài viết và quy trình viết.

e. Tổ chức hoạt động dạy học nói và nghe

Việc tổ chức hoạt động nói và nghe trên lớp nên linh hoạt, khuyến khích HS chủ động, tự tin khi trình bày, trao đổi thông tin. Nên tăng cường các hoạt động tương tác khi nói và nghe, tạo cơ hội cho nhiều HS được trình bày, trao đổi trong nhóm và trước lớp. Có thể cho HS chia thành các nhóm và không một quan điểm, một giải pháp để các em tranh luận, qua đó tán thành “mài sắc” công cụ ngôn ngữ và tư duy. Chú ý sử dụng thêm các phương tiện phi ngôn ngữ như số liệu, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh,... để hỗ trợ trong quá trình trình bày.

f. Hướng dẫn HS tự học phần Củng cố, mở rộng và Thực hành đọc

Phần *Củng cố, mở rộng* và *Thực hành đọc* được thiết kế để HS tự học ngoài giờ lên lớp. GV dựa trên yêu cầu cần đạt của bài học để hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động này và cũng có thể bổ sung các bài tập, câu hỏi, ngữ liệu để tăng cường hoạt động thực hành, tự học của HS.

g. Tổ chức dự án học tập liên môn (giữa môn Ngữ văn và một số môn học khác)

Hoạt động học tập môn Ngữ văn theo hình thức dự án là cơ hội để GV và HS sáng tạo

trong các hoạt động tích hợp: viết, vẽ, trình bày,... Trong *Ngữ văn 6*, cốt lõi của dự án học tập chính là hoạt động đọc sách. Từ việc khuyến khích, tổ chức, hướng dẫn HS đọc mở rộng trên cơ sở các chủ đề và thể loại, loại VB của *Ngữ văn 6*, GV môn Ngữ văn cần phối hợp với GV các môn học và hoạt động giáo dục khác như: Mĩ thuật, Âm nhạc, Hoạt động trải nghiệm,... để có thể tổ chức cho HS xây dựng các sản phẩm sáng tạo từ hoạt động đọc. Có thể phối hợp giữa các khối, lớp khi mở rộng quy mô và hình thức của dự án trong trường học.

4 HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC TRONG SGK NGỮ VĂN 6

4.1. Định hướng đánh giá năng lực, phẩm chất của HS

Đánh giá kết quả giáo dục trong *Ngữ văn 6*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* được triển khai tuân thủ định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018 từ mục tiêu đến nội dung, cách thức.

a. Mục tiêu của hoạt động đánh giá kết quả giáo dục

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học. Cụ thể là: i) Giúp HS tự đánh giá những tiến bộ trong quá trình học của mình, kiểm soát, tự điều chỉnh các hoạt động học tập để từng bước đạt được những yêu cầu cần đạt mà chương trình đã đề ra; ii) Giúp GV nhận biết những tiến bộ và hạn chế của HS, từ đó có những hướng dẫn kịp thời cho HS trong quá trình dạy học và điều chỉnh hoạt động dạy học sao cho đạt được yêu cầu cần đạt; iii) Giúp nhà quản lý hiểu rõ chất lượng dạy học của nhà trường và có những biện pháp điều chỉnh phù hợp, kịp thời để nâng cao chất lượng giáo dục; iv) Giúp phụ huynh hiểu rõ những tiến bộ của con em để có biện pháp giáo dục phối hợp với GV.

b. Nội dung đánh giá kết quả giáo dục

- Đánh giá phẩm chất trong môn Ngữ văn chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong các mối quan hệ.
- Đánh giá các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Ngữ văn cần kết hợp cả định tính và định lượng, thông qua các bài kiểm tra, bài tập với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dựa trên yêu cầu cần đạt về năng lực đối với lớp 6.
- + Để đánh giá kĩ năng đọc, cần tập trung vào yêu cầu hiểu nội dung, chủ đề của VB, quan điểm và ý định của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức thể hiện, nhất là về mặt thể loại, loại VB và ngôn ngữ sử dụng; trả lời các câu hỏi theo những cấp độ tư duy khác nhau; lập luận, giải thích cho cách hiểu của mình; nhận xét, đánh giá về giá trị và sự tác động của VB đối với bản thân; thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong VB; liên hệ, so sánh giữa các VB và giữa

VB với đời sống.

- + Đánh giá kĩ năng viết cần tập trung vào yêu cầu tạo lập các kiểu VB: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng. Việc đánh giá kĩ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như: i) nội dung; ii) kết cấu bài viết; iii) khả năng biểu đạt và lập luận; iv) hình thức ngôn ngữ và trình bày.
- + Đánh giá kĩ năng nói, cần tập trung vào chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kĩ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ. Đối với kĩ năng nghe, cần chú ý đến yêu cầu nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

c. Cách thức đánh giá kết quả giáo dục

Việc đánh giá thực hiện bằng hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, thông qua việc trả lời những câu hỏi, qua các ý kiến phát biểu, tranh luận, thảo luận của HS; các bài tập, bài thuyết trình, bài viết, các video clip,... do HS thực hiện; các tư liệu mà HS sưu tầm, bản nháp của các bài viết;...

Đánh giá thường xuyên do GV môn học tổ chức, hình thức đánh giá gồm: GV đánh giá HS, HS đánh giá lẫn nhau, HS tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, GV có thể dựa trên quan sát và ghi chép hằng ngày về HS, việc HS trả lời câu hỏi hoặc thuyết trình, làm bài tập, viết đoạn ngắn,...

Đánh giá định kì là hoạt động diễn ra ở thời điểm gần cuối hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối kì, cuối cấp) do cơ sở giáo dục các cấp tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kì được thực hiện thông qua đề kiểm tra hoặc đề thi viết. Đề thi, kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu); có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (gồm những câu hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận (gồm những câu hỏi mở) để đánh giá đọc hiểu và yêu cầu viết bài văn về một chủ đề nào đó theo từng kiểu VB đã học trong chương trình. Trong việc đánh giá kết quả học tập cuối năm, cần đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó,...); sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá năng lực của HS, khắc phục tình trạng học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các VB ngữ liệu đã học để kiểm tra khả năng đọc hiểu VB.

Dù đánh giá theo hình thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc HS được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, tư duy hình tượng và tư duy

logic, những suy nghĩ và tình cảm của chính các em, không vay mượn, sao chép; khuyến khích các bài viết có cá tính và sáng tạo. HS cần được hướng dẫn tìm hiểu để có thể nắm vững mục tiêu, phương pháp và hệ thống các tiêu chí dùng để đánh giá các phẩm chất, năng lực này.

4.2. Một số gợi ý về hình thức, phương pháp đánh giá năng lực trong môn Ngữ văn

Ngoài hình thức, phương pháp đánh giá được định hướng chung trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, SGK *Ngữ văn 6* thiết kế một số nội dung gợi ý cho việc đánh giá năng lực của HS theo học bộ sách này.

a. SGK *Ngữ văn 6* thiết kế các nhiệm vụ học tập đa dạng trong các phần *Củng cố, mở rộng* cuối mỗi bài học trong SHS và nhiều mẫu phiếu học tập trong SGK. GV có thể sử dụng một số câu hỏi, bài tập trong phần *Củng cố, mở rộng* và thiết kế các phiếu học tập tương tự theo mẫu để đánh giá thường xuyên kết quả học tập của HS.

Ngoài ra, kèm theo SHS *Ngữ văn 6* (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*) còn có sách bài tập (SBT) kèm theo. GV có thể dựa vào kết quả hoàn thành các bài tập trong SBT này để đánh giá năng lực đọc hiểu và viết của HS trong quá trình học.

b. Việc thiết kế để kiểm tra, đánh giá cuối học kì và cuối năm học sẽ được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của các cấp quản lí. Tuy nhiên, các hướng dẫn này cũng phải phù hợp với định hướng đổi mới đánh giá đã được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn, năm 2018: sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá năng lực của HS, khắc phục tình trạng chỉ học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các VB ngữ liệu đã học để kiểm tra, đánh giá khả năng đọc hiểu VB.

5 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NXBGDVN

5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lí trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Trong bối cảnh việc ứng dụng CNTT trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khoá XI, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025”, NXBGDVN đã khẩn trương triển khai việc ứng dụng CNTT trong công tác tập huấn GV sử dụng các bộ SGK của NXBGDVN, cũng như phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai

thác tối ưu giá trị của các bộ SGK.

Cụ thể hơn, kể từ năm 2019, NXBGDVN giới thiệu hai nền tảng **Hành trang số** và **Tập huấn** Nền tảng sách điện tử – *Hành trang số* cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát Chương trình, SGK mới, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng CNTT trong quá trình tiếp cận chương trình mới. Song hành cùng Hành trang số, nền tảng tập huấn GV trực tuyến – *Tập huấn* hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận các tài liệu tập huấn, bồi trợ và hướng dẫn giảng dạy theo Chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học. Các tài liệu chính thống được NXBGDVN cung cấp xuyên suốt tới các cấp quản lý giáo dục và GV sử dụng bộ SGK.

NXBGDVN cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử sử dụng hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* như sau:

a. Tiếp tục cập nhật nguồn tài nguyên sách đổi mới

Trong năm 2021, NXBGDVN tiếp tục thường xuyên cập nhật thông tin, cung cấp kho tài nguyên bao gồm: học liệu điện tử hỗ trợ việc dạy và học, công cụ hỗ trợ giảng dạy và tự luyện tập, tài liệu tập huấn GV,... xuyên suốt trong năm. Tiến độ cập nhật kho tài nguyên sẽ đồng hành với tiến trình thay SGK theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Dự kiến khối lượng học liệu điện tử được đăng tải trên *Hành trang số* trong năm 2021 khoảng hơn 10 000 học liệu, bao gồm lớp 1, lớp 2 và lớp 6 theo Chương trình, SGK mới. Ngoài ra, tài nguyên tập huấn GV trực tuyến và các thông tin giới thiệu về bộ SGK sẽ được đăng tải nhanh chóng và kịp thời từ giai đoạn đầu năm 2021.

b. Đảm bảo cách thức tiếp cận nguồn tài nguyên sách dễ dàng, có tính ứng dụng cao

Đối với nền tảng sách điện tử *Hành trang số*, việc tiếp cận học liệu điện tử theo sách được thực hiện qua hai bước sau: (1) Người dùng cào tem phủ nhũ phía sau bìa sách để nhận mã sách điện tử; (2) Người dùng đăng nhập trên nền tảng *Hành trang số* và nhập mã sách điện tử đối với cuốn sách mình muốn mở học liệu điện tử. Sau khi hệ thống xác nhận mã sách chính xác, người dùng được mở toàn bộ học liệu điện tử đi kèm cuốn sách.

Đối với nền tảng *Tập huấn* GV trực tuyến, các tài liệu tập huấn được đăng tải rộng rãi và được truy cập bất kì thời điểm nào trong năm. Người dùng có thể sử dụng tính năng “Trải nghiệm ngay” để tiếp cận tài liệu mà không cần đăng nhập. Các tài liệu có thể xem trực tiếp trên nền tảng hoặc tải về máy phục vụ mục đích học tập.

c. Hỗ trợ thường xuyên trong năm học

Nhằm hỗ trợ tối đa các cán bộ quản lý, GV và HS trên cả nước sử dụng hiệu quả hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* trong dạy và học, cũng như cung cấp thông tin về các nguồn tài nguyên sách được đăng tải, NXBGDVN đã và đang triển khai Đường

dây hỗ trợ – 19004503 (hoạt động 08:00 – 17:00, từ thứ Hai đến thứ Sáu). Các câu hỏi liên quan tới hai nền tảng trên có thể gửi về địa chỉ email: taphuan.sgk@nxbgd.vn và hotro.hts@aesgroup.edu.vn để được giải đáp.

Ngoài ra, tài liệu hướng dẫn sử dụng cũng được đăng tải trên hai nền tảng và chia sẻ rộng rãi, người dùng có thể trực tiếp tra cứu và tìm hiểu.

5.2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học

a. Giới thiệu về Hành trang số

Hành trang số là nền tảng sách điện tử của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền hanhtrangso.nxbgd.vn. *Hành trang số* cung cấp phiên bản số hoá của SGK theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK và các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy, học tập của GV và HS. *Hành trang số* bao gồm ba tính năng chính: Sách điện tử; Luyện tập; Thư viện.

- Tính năng Sách điện tử cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK theo Chương trình mới. Trong đó, *Hành trang số* tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đánh kèm trực tiếp các học liệu bổ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập trực quan các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra đánh giá,... Người dùng truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay laptop, phục vụ đồng thời việc giảng dạy trên lớp và việc tự học tại nhà.
- Tính năng Luyện tập cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đối với các bài tập trong SGK và SBT của NXBGDVN. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân thiện cùng các công cụ hỗ trợ hành vi tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, Gợi ý – Hướng dẫn bài tập, Bàn phím ảo, Tích hợp kết quả luyện tập với Biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, sách bổ trợ, *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài tập tự kiểm tra, đánh giá bám sát Chương trình, SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bổ trợ kiến thức trên lớp.
- Tính năng Thư viện cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử bổ trợ Chương trình, SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: video, gif/ hình ảnh, âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục của SGK và bám sát hình ảnh, chương trình, qua đó giúp sinh động và phong phú hoá bài học. *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng PowerPoint với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng Kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, *Hành trang số* mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

b. Giới thiệu về Tập huấn

Tập huấn là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên

miền: taphuan.nxbgd.vn. *Tập huấn* cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy theo Chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học.

Việc cấp tài khoản trên *Tập huấn* được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: Sở Giáo dục và Đào tạo cấp tài khoản cho các Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp tài khoản cho nhà trường, nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lí có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả triển khai tập huấn tại địa phương.

- Đối với tài khoản GV: Tính năng “Tập huấn” cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do NXBGDVN biên soạn dưới đa dạng các định dạng: PowerPoint, PDF/Word, video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: tài liệu tập huấn, bài giảng tập huấn, tiết học minh hoạ, video tập huấn trực tuyến, video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ thầy, cô giáo truy cập bất kì thời điểm nào trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải bài kiểm tra, đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.
- Đối với tài khoản cấp quản lí giáo dục (Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, nhà trường): Tính năng “Tài liệu bổ sung” cho phép các cơ quan quản lí giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng “Thống kê” cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lí giáo dục.

c. Giới thiệu về nguồn tài nguyên học liệu điện tử

Nhằm phục vụ công tác tập huấn GV, NXBGDVN đã đăng tải các tài liệu tập huấn của 4 bộ SGK lớp 1 với đa dạng định dạng và nội dung như: video tiết học minh hoạ; tài liệu tập huấn (PDF, PowerPoint, Word); hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học; bài kiểm tra, đánh giá; video lớp học trực tuyến;... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm nào trong năm học.

Khoản 2 Điều 2 Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT quy định: “Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra, đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo,... Học liệu điện tử được phân làm hai loại: (1) Tương tác một chiều: Học liệu được số hoá dưới các định dạng như video, audio, hình ảnh,..., hình thức tương tác chủ yếu giữa người học và hệ thống là một chiều; (2) Tương tác hai chiều: người học có thể tương tác hai chiều hoặc nhiều chiều với hệ thống, giảng viên và người học khác để thu được lượng kiến thức, kinh nghiệm tối đa. Các sản phẩm có thể kể đến như các sách điện tử

tương tác, trò chơi giáo dục, lớp học ảo,...”.

- Đối với học liệu điện tử tương tác một chiều, tính tới tháng 12/2020, NXBGDVN đã đăng tải hơn 6 000 học liệu điện tử đối với 4 bộ SGK lớp 1, tổng số học liệu điện tử được đăng tải trên *Hành trang số* là hơn 10 000 học liệu. Định dạng đa dạng, bao gồm: video, âm thanh, hình ảnh, ảnh động, 3D, slide bài giảng tham khảo, kịch bản tham khảo dạng PowerPoint và PDF,... hỗ trợ GV khai thác tối đa giá trị bộ SGK.
- Đối với tương tác hai chiều, NXBGDVN đã đăng tải hơn 4 100 bài tập tương tác theo Chương trình lớp 1, trong đó các định dạng được lập trình phong phú, theo sát nội dung bài tập trong sách, bao gồm: trắc nghiệm 1 đáp án đúng, trắc nghiệm nhiều đáp án đúng, chọn đúng – sai, điền câu trả lời vào ô trống, điền từ vào chỗ trống, nối hình, select box, tự luận.

Các học liệu điện tử đều bám sát hình ảnh và nội dung của bộ sách, tuân thủ triết lí của mỗi bộ sách, tham vấn SGV, được tác giả hướng dẫn và thẩm định.

d. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên học liệu điện tử trong các hoạt động dạy học

Các thầy, cô giáo có thể linh động sử dụng các nguồn tài nguyên do NXBGDVN cung cấp như sau:

- Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng “Thư viện”, các thầy, cô giáo có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc: soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ trong việc mang đến hình ảnh sinh động, trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao chất lượng bài giảng.
- Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, sách bổ trợ, *Hành trang số* cũng cung cấp bài tập tự kiểm tra, đánh giá tại tính năng “Luyện tập”. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài tập về nhà để HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.
- Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng PowerPoint song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng “Thư viện”, các thầy, cô giáo có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được *Hành trang số* xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGV và SGK.
- Ngoài ra các thầy, cô giáo cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng *Hành trang số* kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm

các công cụ như: luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; đọc sách điện tử; xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,... Như vậy, các thầy, cô giáo có thể truy cập SGK mọi lúc, mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính bàn, laptop, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình soạn giáo án.

6 KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

6.1. Một số thiết bị và học liệu có thể sử dụng trong dạy học SGK Ngữ văn 6

GV có thể sử dụng các thiết bị và học liệu để chuẩn bị bài học theo mục 5: các tài liệu hướng dẫn, tập huấn SGK *Ngữ văn 6* và các video clip minh họa các tiết học cụ thể. Cùng với những sản phẩm hỗ trợ của NXBGDVN, GV có thể chủ động sưu tầm, khai thác tư liệu từ các thư viện điện tử, thư viện của trường học và hướng dẫn HS tự làm các sản phẩm minh họa cho bài học: vẽ tranh, chụp ảnh tư liệu phù hợp với các chủ đề bài học.

6.2. Cách khai thác và sử dụng thiết bị, học liệu

GV cần tạo cho mình thư mục các tài liệu tham khảo, file lưu trữ học liệu có thể sưu tầm hoặc tự xây dựng phù hợp với các bài học theo SGK *Ngữ văn 6*. Cùng chia sẻ và tìm kiếm nguồn tài liệu với cộng đồng GV của trường, địa phương và trong cả nước qua các kênh thông tin phù hợp là cách để làm giàu nguồn tư liệu dạy học khi bắt đầu thực hiện SGK *Ngữ văn 6* theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018. Có thể phân loại các nguồn tài nguyên cần sử dụng trong khi dạy học SGK *Ngữ văn 6* như sau:

- Các tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 và triển khai SGK mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo và NXBGDVN.
- Các nguồn tư liệu đáng tin cậy từ thư viện của nhà trường.
- Các sản phẩm học liệu do GV và HS tự làm, tự xây dựng: tranh ảnh, bài làm của HS.

Các tư liệu được dùng để chuẩn bị bài học cần có sự tích lũy qua nhiều năm và cần được phân loại theo thời gian, theo các chủ đề bài học, thể loại hoặc hoạt động trong bài học (đọc, viết, nói, nghe). Các sản phẩm của HS năm trước có thể là một gợi ý, định hướng cho các HS năm sau: GV cần lưu lại các bài viết, tranh ảnh, tập san, video clip,... do chính HS của mình xây dựng để phân tích và hướng dẫn HS lớp khác, khoá khác một cách tích cực, hiệu quả. Video clip các phần thuyết trình của HS trong các giờ học nói và nghe hay các poster, tranh ảnh từ dự án đọc sách của HS là một nguồn học liệu sinh động nếu GV thực sự dụng công hướng dẫn HS xây dựng, khai thác hiệu quả.

Các sản phẩm sử dụng trực tiếp trên lớp cũng nên là sản phẩm do HS làm dưới sự hướng dẫn của GV: tranh minh họa cho các VB truyện, thơ trong mỗi bài học, các phiếu học tập, ghi chép, đánh giá, góc đọc sách của lớp và nhật kí đọc sách của các

nhóm hoặc cá nhân,...

7 MỘT SỐ LƯU Ý TRONG VIỆC LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC SGK NGỮ VĂN 6

Việc lập kế hoạch dạy học *Ngữ văn 6* trong cả năm học cần căn cứ vào thời lượng của môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các VB hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan quản lý giáo dục và kế hoạch năm học của nhà trường. SGK *Ngữ văn 6* được thiết kế trên cơ sở 140 tiết/ 35 tuần thực học (trung bình 4 tiết/ tuần). Kế hoạch dạy học theo năm học, tuần, bài học đều căn cứ theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông (tổng thể) và Chương trình giáo dục phổ thông môn *Ngữ văn 2018*.

Thời lượng các bài học và hoạt động trong SGK *Ngữ văn 6* được phân bổ như sau:

STT	Tên bài	Số tiết
1	Tôi và các bạn	16 tiết (9 tiết đọc và tiếng Việt; 5 tiết viết; 2 tiết nói và nghe)
2	Gỗ cửa trái tim	12 tiết (8 tiết đọc và tiếng Việt; 3 tiết viết; 1 tiết nói và nghe)
3	Yêu thương và chia sẻ Đọc mở rộng	12 tiết (8 tiết đọc và tiếng Việt; 3 tiết viết; 1 tiết nói và nghe) 1 tiết Đọc mở rộng
4	Quê hương yêu dấu	12 tiết (7 tiết đọc và tiếng Việt; 4 tiết viết; 1 tiết nói và nghe)
5	Những nẻo đường xứ sở Đọc mở rộng Kiểm tra giữa Học kì I, Ôn tập và kiểm tra Học kì I	12 tiết (8 tiết đọc và tiếng Việt; 3 tiết viết; 1 tiết nói và nghe) 1 tiết Đọc mở rộng 2 tiết + 2 tiết + 2 tiết
6	Chuyện kể về những người anh hùng	13 tiết (8 tiết đọc và tiếng Việt; 4 tiết viết; 1 tiết nói và nghe)
7	Thế giới cổ tích Đọc mở rộng	13 tiết (8 tiết đọc và tiếng Việt; 4 tiết viết; 1 tiết nói và nghe) 1 tiết Đọc mở rộng
8	Khác biệt và gần gũi	13 tiết (8 tiết đọc và tiếng Việt; 4 tiết viết; 1 tiết nói và nghe)
9	Trái Đất – ngôi nhà chung Đọc mở rộng	13 tiết (8 tiết đọc và tiếng Việt; 4 tiết viết; 1 tiết nói và nghe) 1 tiết Đọc mở rộng

10	Cuốn sách tôi yêu Kiểm tra giữa Học kì II, Ôn tập và kiểm tra Học kì II	8 tiết (4 tiết đọc; 2 tiết viết; 2 tiết nói và nghe) 2 tiết + 2 tiết + 2 tiết
----	--	--

- Kế hoạch dạy học SGK *Ngữ văn 6* trong năm học: Nhà trường, tổ chuyên môn hướng dẫn GV lập kế hoạch theo phân phối chương trình và kế hoạch năm học của toàn trường.
- Kế hoạch dạy học của từng bài học: Tổ chuyên môn và GV nghiên cứu bài học trong SHS, SGV và lập kế hoạch dạy học theo mạch kiến thức, kĩ năng của bài học. Chú ý mối quan hệ giữa các hoạt động: đọc, thực hành tiếng Việt, nói và nghe, đọc mở rộng. Cần chú ý năng lực của HS để có thể điều tiết thời lượng của các hoạt động phù hợp. Để quá trình dạy học trên lớp thực sự hiệu quả, phần hướng dẫn chuẩn bị bài, hướng dẫn tự học cần được quan tâm thích đáng trong kế hoạch dạy học của GV.

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

1 HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC ĐỌC

1.1. Dạy học đọc VB truyện

a. VB truyện và mục tiêu dạy học đọc VB truyện trong SGK Ngữ văn 6

- Truyện là thể loại được dạy học nhiều nhất trong SGK *Ngữ văn* nói chung. Ở SGK *Ngữ văn 6* có đến 4/9 bài học mà thể loại chính là truyện, trong đó có 2 bài dành cho truyện hiện đại và 2 bài dành cho truyện dân gian. Cụ thể, SGK *Ngữ văn 6*, tập một (bài 1 và 3) có 4 VB đọc chính là truyện hiện đại: *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Dế Mèn phiêu lưu kí*, Tô Hoài), *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (trích *Hoàng tử bé*, Antoine De Saint-Exupéry), *Cô bé bán diêm* (Hans Christian Andersen), *Gió lạnh đầu mùa* (Thạch Lam). Cả 4 VB này đều có những chủ đề rất gần gũi, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi thiếu nhi: tình bạn và sự yêu thương, chia sẻ.

SGK *Ngữ văn 6*, tập hai, ở bài 6 và 7 có 5 VB đọc hiểu là truyện dân gian, trong đó có 2 truyền thuyết và 3 truyện cổ tích: *Thánh Gióng* (truyền thuyết Việt Nam); *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (truyền thuyết Việt Nam); *Thạch Sanh* (truyện cổ tích Việt Nam); *Cây khế* (truyện cổ tích Việt Nam); *Vua chích choè* (truyện cổ Grimm).

Ở bài 2 (thể loại chính là thơ) có VB truyện *Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh) và bài 8 (loại VB chính là nghị luận) có VB truyện *Bài tập làm văn* (trích *Nhóc Nicolas: những chuyện chưa kể*, René Goscinny và Jean-Jacques Sempé) được đưa vào trên cơ sở kết nối về chủ đề với các VB đọc chính của hai bài này. Ngoài ra, trong cả 4 bài có thể loại chính là truyện (1, 3, 6 và 7) còn có các VB truyện đặt ở phần *Thực hành đọc* (HS tự đọc ngoài giờ lên lớp) gồm: *Những người bạn* (trích *Tôi là Bê-tô*, Nguyễn Nhật Ánh) ở bài 1, *Lucky thực sự may mắn* (trích *Chuyện con mèo dạy hải âu bay*, Luis Sepúlveda) ở bài 3, *Bánh chưng, bánh giầy* (truyền thuyết Việt Nam) ở bài 6, *Sọ Dừa* (truyện cổ tích Việt Nam) ở bài 7.

- Mục tiêu dạy học đọc VB truyện được thể hiện cụ thể trong yêu cầu cần đạt các bài học 1, 3, 6 và 7; chủ yếu tập trung vào yêu cầu: nhận biết được một số yếu tố cơ bản của truyện đồng thoại, truyện truyền thuyết và truyện cổ tích; nhận biết người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba; nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật; nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai VB; nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm

- + Với lớp 6, tuy yêu cầu cần đạt của chương trình chưa đòi hỏi phải khai thác sâu đặc điểm thi pháp của các thể loại truyện, nhưng GV cần nắm vững kiến thức về thể loại truyện nói chung và truyện đồng thoại, truyện truyền thuyết, truyện cổ tích nói riêng. Từ đó, có thể định hướng tổ chức các hoạt động dạy học đọc theo “mã” thể loại; giúp HS phát triển năng lực đọc hiểu VB truyện.
- + Những kiến thức cơ bản GV cần nắm gồm có các yếu tố cơ bản của truyện nói chung như: cốt truyện, người kể chuyện, nhân vật; đặc điểm của truyện đồng thoại, truyện truyền thuyết, truyện cổ tích.
- *Cốt truyện* là hệ thống các sự kiện cụ thể, được sắp xếp theo một trình tự nhất định, có mở đầu, diễn biến và kết thúc. Cốt truyện cổ điển thường được tổ chức theo quan hệ nhân quả, với 5 thành phần: *trình bày, thắt nút, phát triển, cao trào, mở nút*. Cốt truyện hiện đại có xu hướng thoát khỏi mô hình nhân quả và phá vỡ tính liên tục về thời gian. Cốt truyện vừa là phương tiện khám phá tính cách nhân vật, tái hiện bức tranh đời sống, phản ánh xung đột xã hội vừa tạo nên sức hấp dẫn cho truyện kể. Hiểu nội dung và kết cấu cốt truyện là điều kiện đầu tiên để hiểu nhân vật và chủ đề của tác phẩm.
- *Người kể chuyện* là nhân vật do tác giả tạo ra để kể câu chuyện. Người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) là một nhân vật trong truyện, chứng kiến và kể lại các sự kiện nên không chỉ kể mà còn có thể trực tiếp bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ. Người kể chuyện ngôi thứ ba “giấu mình” khiến người đọc có cảm giác câu chuyện như đang tự nó diễn ra. Mỗi loại ngôi kể đều có thể mạnh và giới hạn nhất định. Ngôi kể thứ nhất gắn liền với phạm vi hiểu biết, quan điểm của một người; trong khi ngôi kể thứ ba lại có khả năng “biết hết” mọi chuyện. Hai loại ngôi kể này có thể kết hợp, đan cài trong truyện kể hiện đại. Lời kể của người kể chuyện không chỉ tái hiện bức tranh đời sống mà còn bộc lộ cách nhìn nhận, đánh giá về bức tranh đời sống ấy. Vì vậy, khi đọc hiểu VB truyện, rất cần xác định rõ ngôi kể, giọng điệu và điểm nhìn của người kể chuyện.
- *Nhân vật* là con người, thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,... có đời sống, tính cách riêng được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. Nhân vật là yếu tố quan trọng nhất của truyện kể, gắn chặt với chủ đề tác phẩm và thể hiện lí tưởng thẩm mỹ, quan niệm nghệ thuật của nhà văn về con người. Nhân vật thường được miêu tả bằng các chi tiết *ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, mối quan hệ với các nhân vật khác,...*
- *Truyện đồng thoại*: một thể loại truyện viết cho trẻ em, với nhân vật chính thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá. Các tác giả truyện đồng thoại sử dụng “tiếng chim lời thú” ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất thú vị và phù hợp với tâm lí trẻ thơ. Nhân vật đồng thoại vừa được miêu tả với những đặc tính riêng, vốn

có của loài vật, đồ vật vừa mang những đặc điểm của con người. Vì vậy, truyện đồng thoại rất gần gũi với truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo dục sâu sắc. Sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng, ngôn ngữ và hình ảnh sinh động mang lại sức hấp dẫn riêng cho truyện đồng thoại. Thủ pháp nhân hoá và khoa trương cũng được coi là những hình thức nghệ thuật đặc thù của thể loại này.

- *Truyện truyền thuyết*: truyền thuyết quan tâm phản ánh những sự kiện và nhân vật có liên quan đến lịch sử qua các yếu tố hư cấu, tưởng tượng, kì ảo. Lỗi sự thật lịch sử ẩn chứa trong truyền thuyết nhưng truyền thuyết không phải là lịch sử mang tính khách quan mà là lịch sử được huyền thoại hoá. Truyền thuyết thường phản ánh thành tựu, chiến công của cộng đồng trong lịch sử, kết tụ qua một sự kiện lịch sử cụ thể, một nhân vật lịch sử tiêu biểu, với hai kiểu nhân vật chính: nhân vật anh hùng văn hoá (trong sự nghiệp dựng nước) và anh hùng chiến trận (trong sự nghiệp giữ nước). Nhân vật anh hùng là hình ảnh đại diện cho sức mạnh của cộng đồng, cho nguyện vọng, xu thế chung của cộng đồng. Nhiệm vụ của họ chính là nhiệm vụ trọng đại của cộng đồng và chiến công của họ cũng là chiến công mang tầm vóc dân tộc tại thời điểm đó.

Một mô thức chung cho mọi anh hùng của truyền thuyết là: sự ra đời thần kì (thể hiện nguồn gốc cao quý); chiến công mang màu sắc siêu nhiên, ảnh hưởng tới số phận cộng đồng; cái chết như là sự hoá thân bất tử.

Thời gian câu chuyện được kể trong truyền thuyết thường được xác định bằng một thời điểm lịch sử cụ thể nào đó (*Vào đời..., Năm thứ..., Đến năm... đời...*). Không gian trong các truyền thuyết cũng thường gắn với một địa danh cụ thể, xác định, ví dụ: truyện *Thánh Gióng* liên quan đến một số địa danh có thật như làng Phù Đổng, huyện Gia Bình, núi Trâu Sơn, núi Ninh Sóc, làng Cháy,... với nhiều dấu tích như những ao hồ liên tiếp, tre đằng ngà; truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* nói rõ Sơn Tinh chính là thần núi Tản Viên (Ba Vì), nơi Vua Hùng đóng đô là thành Phong Châu xưa; truyện *Sự tích Hồ Gươm* gắn với những địa danh cụ thể ở vùng Thanh – Nghệ – Tĩnh và kinh đô Thăng Long – Hà Nội;...

- *Truyện cổ tích* thường có các đặc điểm nổi bật sau đây: một thế giới hư cấu, kì ảo; có chức năng nhận thức xã hội; mang tính chất giáo huấn đạo đức; có nội dung giải thích nguồn gốc, sự tích của con vật, đồ vật, phong tục, tập quán,...

Nhân vật của truyện cổ tích thường là những kiểu người đại diện cho một tầng lớp, một thế lực, được thể hiện thành những mô típ như “dũng sĩ”, “người mồ côi”, “người em út”, “người mang lốt”,... có chức năng minh hoạ cho quan niệm của nhân dân về thiện hoặc ác, xấu hoặc tốt, chính nghĩa hoặc phi nghĩa. Các yếu tố hành động, lời nói, hình dáng của nhân vật đều mang tính ước lệ, có tính công thức, không có dấu ấn riêng biệt, không mang tính cá thể hoá như các nhân vật trong truyện hiện đại. Với truyện cổ tích, cốt truyện (thường theo các mô típ), nhân vật và hành động của nhân vật là những đặc điểm quan trọng cần khai thác.

– Phương tiện dạy học

GV nên chuẩn bị video clip, phiếu học tập, phim, tranh ảnh có liên quan.

c. Triển khai các hoạt động dạy học

- Mở đầu bài học, GV tổ chức một số hoạt động dạy học được quy định chung cho tất cả các bài:
- + Giới thiệu bài học: GV hướng dẫn HS đọc phần giới thiệu bài học để nắm được chủ đề bài học và thể loại, loại VB đọc. HS trao đổi trong nhóm, sau đó một số HS trình bày trước lớp. GV và HS thống nhất cách hiểu.
- + Khám phá *Tri thức ngữ văn*: Ở tiểu học, HS đã học đọc một số tác phẩm truyện nhưng chưa được trang bị tri thức ngữ văn về thể loại. Vì vậy, GV cần dành thời gian cho HS đọc, nhận biết được các khái niệm công cụ: *người kể chuyện, cốt truyện, nhân vật, truyện đồng thoại, lời nhân vật và lời người kể chuyện,...* nhưng tránh đi sâu vào lí thuyết.
- Hoạt động đọc VB truyện được thực hiện theo các bước như đọc các VB thuộc những thể loại, loại VB khác, thường theo các bước: khởi động trước khi đọc, đọc VB, trả lời câu hỏi, viết kết nối với đọc (VB 3 không có yêu cầu viết kết nối với đọc, hoạt động khởi động trước khi đọc thì linh hoạt). Tuy nhiên có một số đặc điểm riêng cần lưu ý.
- + Hoạt động đọc VB: VB truyện trong SGK *Ngữ văn 6* có độ dài khoảng từ 4 đến 8 trang (gồm cả tranh minh họa). Muốn đọc hiểu tác phẩm truyện, trước hết cần nắm được cốt truyện nên HS cần được khuyến khích đọc VB trước khi đến lớp. Trên lớp, GV có thể cho HS đọc to một số đoạn quan trọng, hoặc sử dụng hình thức đọc theo “vai” (người kể chuyện, các nhân vật). Khi đọc các VB truyện, GV cần hướng dẫn HS sử dụng các chiến lược *theo dõi, dự đoán,...*
- + Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Như hệ thống câu hỏi sau khi đọc của *Ngữ văn 6* nói chung, các câu hỏi sau khi đọc ở bài 1, 3, 6, 7 bám sát các yêu cầu cần đạt và được thiết kế theo ba nhóm: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng.

Nhóm câu hỏi nhận biết thường gắn với yêu cầu nhận diện người kể chuyện (ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba); tìm các chi tiết miêu tả thời gian, không gian; xác định sự kiện chính; tóm tắt được nội dung cốt truyện. Nhóm câu hỏi phân tích, suy luận giúp HS nắm bắt được đặc điểm của nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, suy nghĩ, cảm xúc; các yếu tố của truyện đồng thoại, truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích (cốt truyện, nhân vật, lời kể,...); tiếp nhận được những bài học qua cách nghĩ, cách ứng xử được gợi ra từ các VB. Ví dụ: bài học về cách kết bạn, ý nghĩa của tình bạn và trách nhiệm với bạn bè (*Nếu cậu muốn có một người bạn...*); bài học về giá trị của tình yêu thương, sự chia sẻ (*Gió lạnh đầu mùa*);... Nhóm câu hỏi đánh giá, vận dụng chú trọng phát triển năng lực đánh giá, vận dụng của HS và bồi đắp, hoàn

thiện nhân cách cho các em. Chẳng hạn, khi trả lời câu hỏi “*Cáo đã chia sẻ với hoàng tử bé nhiều bài học về tình bạn. Em thấy bài học nào gần gũi và có ý nghĩa nhất với chính mình?*”, HS có thể lựa chọn theo trải nghiệm cá nhân, chia sẻ về một bài học mà bản thân mình hiểu và tâm đắc. Điều này giúp HS có hứng thú và phát huy sự chủ động, độc lập, sáng tạo trong việc đọc hiểu tác phẩm.

- Một số lưu ý cho hoạt động dạy học đọc VB truyện ở đây và cũng áp dụng cho việc dạy học đọc các VB thuộc những thể loại, loại VB khác:
- + GV nên sử dụng linh hoạt hệ thống câu hỏi (thay đổi trật tự, tách, ghép,...), bổ sung những câu hỏi mới phù hợp với đối tượng HS, hướng đến phát triển năng lực đọc của HS. Cụ thể là qua việc trả lời câu hỏi, HS biết cách đọc hiểu các VB tương tự thuộc cùng thể loại hoặc loại VB theo cùng mô hình.
- + Sau khi trả lời câu hỏi về VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài, HS được yêu cầu viết đoạn văn ngắn ở mục *Viết kết nối với đọc*.
- + GV cần yêu cầu HS thực hiện nhiều hình thức hoạt động đa dạng, thể hiện vai trò chủ động, tích cực của người học:
 - Chuẩn bị bài trước ở nhà;
 - Trả lời các câu hỏi mà GV yêu cầu, nhất là câu hỏi sau khi đọc ở SHS;
 - Tương tác với GV trong hoạt động vấn đáp;
 - Hoàn thành phiếu học tập mà GV giao;
 - Trao đổi, thảo luận nhóm theo các nội dung GV nêu ra;
 - Thuyết trình kết quả trao đổi, thảo luận của nhóm nếu được giao nhiệm vụ;
 - Chuẩn bị một số tư liệu (tranh, ảnh, hiện vật, video clip) cần cho bài học và tìm ngữ liệu đọc mở rộng theo hướng dẫn của GV.

1.2. Dạy học đọc VB thơ

a. VB thơ và mục tiêu dạy học đọc VB thơ trong SGK Ngữ văn 6

- Trong *Ngữ văn 6* có 6 VB thơ được chọn làm VB đọc chính là *Chuyện cổ tích về loài người* (Xuân Quỳnh), *Mây và sóng* (R. Tagore) ở bài 2, và ba bài *ca dao về quê hương, đất nước*, *Chuyện cổ nước mình* (Lâm Thị Mỹ Dạ) ở bài 4. Có 4 VB thơ được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề với các VB đọc chính: *Bắt nạt* (Nguyễn Thế Hoàng Linh) ở bài 1, *Con chào mào* (Mai Văn Phấn) ở bài 3, *Cửu Long Giang ta ơi* (trích, Nguyễn Hồng) ở bài 5, *Trái Đất* (Rasul Gamzatov) ở bài 9.

Ngoài ra, còn có các VB thơ được dùng để HS thực hành đọc ở các bài có thể loại chính là thơ: *Những cánh bướm* (Hoàng Trung Thông) ở bài 2 và *Hành trình của bầy ong* (Nguyễn Đức Mậu) ở bài 4.

- Các VB thơ được chọn đọc trong *Ngữ văn 6* đều là những ngữ liệu phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình về phát triển kĩ năng đọc VB thơ, từ đọc hiểu hình thức, đọc hiểu nội dung đến liên hệ, so sánh, kết nối. Ở các VB thơ, hệ thống câu hỏi sau đọc trong SGK đều hướng HS tới:
- + Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát (chùm ca dao, *Chuyện cổ nước mình*); từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (so sánh, điệp ngữ, nhân hoá, ẩn dụ,...); các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ (*Chuyện cổ tích về loài người*, *Mây và sóng*).
- + Nhận biết được chủ đề, thông điệp về tình cảm gia đình (*Chuyện cổ tích về loài người*, *Mây và sóng*), tình yêu quê hương đất nước (chùm ba bài ca dao về quê hương đất nước, *Chuyện cổ nước mình*).

b. Chuẩn bị

- Những kiến thức GV cần nắm

- + Kiến thức chung về *ngôn ngữ thơ*: Đó là ngôn ngữ được nhà thơ chắt lọc, lựa chọn kĩ lưỡng, vì vậy rất hàm súc, gợi hình, gợi cảm, giàu tính nhạc và thường sử dụng nhiều biện pháp tu từ,...
- + Kiến thức về *hình ảnh thơ, vần, các biện pháp tu từ* như so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, HS đã được học ở tiểu học. GV có thể hướng dẫn HS ôn lại.
- + Ở lớp 6, GV hướng dẫn HS tìm hiểu thêm biện pháp *ẩn dụ, yếu tố tự sự và yếu tố miêu tả* trong thơ; *số tiếng, số dòng, nhịp* (thơ lục bát),... Ngoài ra, GV cũng cần hiểu biết thêm về *nhân vật trữ tình* và những yếu tố góp phần tạo nên tính nhạc cho thơ như *nhịp điệu, thanh điệu, âm điệu*,...

- Phương tiện dạy học

GV nên chuẩn bị video clip (ngâm thơ, đọc thơ), phiếu học tập, phim, tranh ảnh có liên quan,...

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc hiểu VB thơ

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học giới thiệu bài học, khám phá tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), việc dạy học đọc VB thơ trong *Ngữ văn 6* có một số đặc điểm riêng sau đây:

- Hoạt động đọc VB: HS cần được khuyến khích đọc VB trước khi đến lớp. GV lưu ý HS sử dụng chiến lược *hình dung* và *theo dõi* trong khi đọc VB thơ. GV cũng có thể gợi ý thêm bằng các câu hỏi nhỏ, nhưng cần tránh làm gián đoạn mạch đọc của HS.
- Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Hệ thống câu hỏi sau khi đọc hướng tới khai thác những đặc điểm của VB thơ cũng như những giá trị nhân văn của tác phẩm.

- Nhóm câu hỏi *nhận biết* thường hướng tới yêu cầu HS xác định những yếu tố *hình thức* thơ như số dòng, số đoạn (khổ), số tiếng trong một dòng, vần, nhịp, yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, điệp ngữ, các hình ảnh,...
- Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* yêu cầu HS tìm ra những nội dung của VB thơ như cảm xúc của tác giả (tình cảm đối với trẻ thơ), chủ đề, thông điệp (về tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước),...
- Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* nhằm phát triển khả năng *liên hệ, so sánh, kết nối* với các VB thơ khác cùng chủ đề, thể loại; với cuộc sống và với bản thân của HS như trách nhiệm với gia đình, quê hương.

1.3. Dạy học đọc VB kí

a. VB kí và mục tiêu của việc dạy học đọc kí trong SGK Ngữ văn 6

- Trong *Ngữ văn 6* có 2 VB kí được chọn làm VB đọc chính, tập trung ở bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*. Đó là các VB: *Cô Tô* (Nguyễn Tuân), *Hang Én* (Hà My). Có một VB kí được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề với các VB đọc chính: *Cây tre Việt Nam* (Thép Mới) ở bài 4. Ngoài ra, còn có VB *Nghìn năm tháp Khương Mỹ* (Lam Linh) dành cho HS thực hành đọc ở cuối bài 5.

Các VB kí ở *Ngữ văn 6* chủ yếu là du kí – một trong nhiều thể loại của kí. Lựa chọn du kí dạy ở lớp 6 là phù hợp tâm lí lứa tuổi. Ở tuổi này, HS đang có xu hướng đưa tầm mắt vượt khỏi mái nhà thân thuộc, hướng ra cuộc sống bên ngoài, hứng thú khám phá thế giới, thích những trải nghiệm kì thú. Dạy các bài kí cụ thể, GV không những cho HS nhận biết về thể loại du kí mà còn giúp HS bước đầu nhận biết đặc trưng của kí nói chung.

- Qua việc dạy các VB cụ thể, GV cần cho HS thấy hình thức ghi chép là dấu hiệu chính để xác định một VB kí. Ở cả ba bài kí, cách kể sự việc liên quan tới trình tự kể, cách quan sát và miêu tả của tác giả kí. Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong du kí (thực chất là chủ thể viết kí) chính là người trực tiếp thực hiện chuyến đi. HS cần nhận biết được “cái tôi” của người viết kí qua chủ đề VB, cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.

b. Chuẩn bị

- **Những kiến thức GV cần nắm**
- + *Đặc trưng của kí*: Kí là loại tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thực (sự việc, sự vật, con người, tư tưởng, quan niệm,... có thật trong đời sống). Ở kí, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình, nghị luận, tư duy khoa học. Đọc một tác phẩm kí cần chú ý đến *chủ thể viết, thông tin, bố cục*.
- + *Đặc điểm của thể loại du kí*: Du kí là một thể loại kí dùng để ghi chép những điều mắt thấy tai nghe của người viết qua một chuyến đi. Du kí phản ánh những nhận

biết, truyền đạt những cảm tưởng, suy nghĩ mới mẻ của người viết về cuộc sống, con người, phong tục, cảnh quan ở những miền đất mới. Đọc du kí cần khai thác các phương diện: *trình tự một bài du kí* (thường theo trình tự chuyển đi), *người viết cũng là người kể chuyện* (trực tiếp thực hiện chuyển đi, vì những mục đích khác nhau như khám phá cuộc sống của con người, trải nghiệm sống trong tự nhiên hoang dã, tìm hiểu lịch sử – văn hoá), *chi tiết xác thực* (địa danh, tên người, các số liệu, sử liệu, các hình ảnh mô tả thực tế,...).

– Phương tiện dạy học

Khi dạy du kí, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học như bản đồ, ảnh, video clip,... để thuyết minh thêm về vùng đất mà bài du kí nói tới.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc hiểu VB kí

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (giới thiệu bài học, khám phá tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc VB kí trong *Ngữ văn 6*, cần đặc biệt lưu ý mấy điểm sau:

- Hoạt động đọc VB: GV cần chú ý các chiến lược đọc ở mỗi bài.
- Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): GV lưu ý 3 nhóm câu hỏi sau khi đọc một VB và hướng dẫn HS trả lời câu hỏi sau đọc. Cần chú ý, mỗi câu hỏi (tuỳ bài cụ thể) để cập một phương diện nổi bật trong đặc trưng của du kí.
- + Những câu hỏi liên quan đến người kể chuyện, hành trình du kí, xác định địa danh, con người cụ thể, yêu cầu tìm chi tiết,... thường được đặt ở mức độ nhận biết. Đây là những câu hỏi khai thác thông tin.
- + Những loại câu hỏi yêu cầu phân tích hình ảnh, chi tiết thường được đặt ở mức độ phân tích, suy luận. GV hướng dẫn HS trên cơ sở nhận biết hình ảnh, chi tiết, biết khai thác ý nghĩa của VB, giúp HS cảm nhận được tình cảm, tư tưởng của tác giả thể hiện qua các hình ảnh, chi tiết. Cần lưu ý, ở các bài kí, hình tượng tác giả – người kể chuyện hiện lên rõ nét hơn so với các thể loại khác. Góc độ quan sát, cách nhìn, cách đánh giá, cách tiếp cận, cách đưa thông tin về đời sống thực trong kí luôn phụ thuộc vào phong cách riêng của mỗi người viết, có khả năng truyền cảm và tác động mạnh đến người đọc.
- + Các câu hỏi ở mức độ đánh giá, vận dụng thường yêu cầu HS đưa ra những ý kiến riêng. Bài kí được coi là một cách tiếp cận đời sống thực của cá nhân người viết. Do vậy, khi đọc kí, người đọc hoàn toàn có thể đối thoại với ý kiến của tác giả (đồng tình, không đồng tình). Với những câu hỏi loại này, GV khuyến khích HS nói được những cảm nhận riêng, đưa ra những ý kiến riêng dựa trên kinh nghiệm, cá tính của từng em. Có thể có nhiều phương án trả lời, không nên quy về một đáp án cứng nhắc.

1.4. Dạy học đọc VB nghị luận

a. VB nghị luận và mục tiêu dạy học đọc VB nghị luận trong Ngữ văn 6

- VB nghị luận trong *Ngữ văn 6* tập trung chủ yếu ở bài 8. *Khác biệt và gần gũi* với 2 VB đọc chính: *Xem người ta kia!* (Lạc Thanh); *Hai loại khác biệt* (Youngme Moon) và 1 VB đọc chính ở bài 10. *Cuốn sách tôi yêu: Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi* (Minh Khoa). VB đầu giúp HS nhận thức được rằng: trên đời này, mọi người có thể giống nhau ở mặt nào đó, nhưng cơ bản, mỗi người đều có sở thích, sở trường, cá tính, năng lực riêng, nhờ vậy, cuộc sống trở nên đa dạng, phong phú. VB *Hai loại khác biệt* không chỉ nhấn mạnh yêu cầu thể hiện sự khác biệt trong cuộc sống, mà quan trọng hơn, sự khác biệt phải thực sự có ý nghĩa, làm nên giá trị riêng của mỗi người. Ngoài ra, VB thực hành đọc *Tiếng cười không muốn nghe* (Minh Đăng) cũng thuộc loại VB nghị luận và có chủ đề tương tự: sự vô lí của hành động cười cợt, nhạo báng người khác. Còn *Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi* (Minh Khoa) là một VB nghị luận văn học giới thiệu về một nhà thơ, người con của núi rừng Tây Bắc. Bên cạnh các VB nghị luận là VB đọc chính vừa nêu, *Ngữ văn 6* còn có một số bài viết tham khảo để viết bài ở bài 2. *Gõ cửa trái tim*, bài 4. *Quê hương yêu dấu*. Đó có thể coi là những VB nghị luận văn học đơn giản.

Các VB nghị luận trong *Ngữ văn 6* có nhiều điểm giống nhau về hình thức: ngắn gọn, vấn đề được bàn luận không xa lạ với cuộc sống hằng ngày của HS, quan điểm của người viết thể hiện rõ ràng, nhất quán, lí lẽ sắc bén và bằng chứng phù hợp, lập luận có sức thuyết phục. Các VB còn gần gũi nhau ở chỗ: đều có yếu tố kể chuyện, tuy nhiên kể chuyện chỉ là một cách nêu vấn đề, gợi suy nghĩ hoặc trình bày dẫn chứng lấy từ thực tế đời sống. Nghĩa là đặc trưng nghị luận vẫn không bị lu mờ bởi tính chất kể.

- Mục tiêu của việc dạy học đọc VB nghị luận trong *Ngữ văn 6* chủ yếu là giúp HS nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận; tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề được đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

b. Chuẩn bị

- **Những kiến thức GV cần nắm**

+ *Khái niệm VB nghị luận*

VB nghị luận là loại VB có nội dung bàn bạc, đánh giá về một hiện tượng, vấn đề trong đời sống và trong khoa học, giáo dục, nghệ thuật,... Người tạo lập VB nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với quan điểm, ý kiến của mình.

+ *Lí lẽ trong VB nghị luận*

Lí lẽ là những lời giải thích, phân tích, biện luận thể hiện suy nghĩ của người viết/nói về vấn đề. Những lời ấy phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ nhằm

bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó. Khi đưa ra lí lẽ, người viết/ nói thường giải đáp các câu hỏi mà vấn đề gọi ra. Lí lẽ phải có tính khách quan, phổ biến, thuyết phục người đọc/ nghe bằng lẽ phải, chân lí, không thể chủ quan, áp đặt.

+ **Bằng chứng trong VB nghị luận**

Bên cạnh lí lẽ, bài văn nghị luận còn phải có các bằng chứng. Bằng chứng là những sự thật (nhân vật, sự kiện) hay tư liệu đảm bảo tính xác thực, có giá trị. Bằng chứng phải phù hợp với từng loại văn nghị luận. Nếu là nghị luận xã hội, phải dùng bằng chứng lấy từ thực tế đời sống, từ kết quả nghiên cứu khoa học. Nếu là nghị luận văn học thì bằng chứng chủ yếu lấy từ văn học. Bằng chứng kết hợp với lí lẽ làm cho lập luận có sức thuyết phục.

– **Phương tiện dạy học**

GV chủ yếu sử dụng PowerPoint để trình chiếu các nội dung cần thiết khi dạy phần đọc và phần viết.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc VB nghị luận

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (giới thiệu bài học, khám phá tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc VB nghị luận trong *Ngữ văn 6*, cần lưu ý mấy điểm sau:

- Hoạt động đọc VB: Dựa vào đặc điểm các VB nghị luận trong bài, GV hướng dẫn HS đọc trên lớp. GV cũng cần đọc mẫu (có thể chọn một số đoạn) và nói rõ yêu cầu của việc đọc (giọng đọc, âm lượng, tốc độ, cách biểu cảm,...). Trong quá trình đọc, GV nhắc HS chú ý chiến lược đọc được đặt trong các box. Chẳng hạn, ở VB *Xem người ta kia!*, chiến lược *theo dõi* và *suy luận* được nhấn mạnh, giúp HS nắm nội dung cũng như các thao tác nghị luận được sử dụng ở từng đoạn.
- Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Đây là công việc trọng tâm của phần Đọc. Trong dạy học đọc, GV và HS tương tác với nhau ở từng bước lên lớp mà GV đã thiết kế. GV cần lên “kịch bản” chi tiết, định hướng, dẫn dắt HS khám phá giá trị nội dung tư tưởng, đặc điểm hình thức thể loại của VB. Trong quá trình chuẩn bị giáo án, GV cần quan tâm đến những câu hỏi sau đọc ở các VB, bởi đó là chỗ gắn kết rõ nhất các hoạt động của GV và HS trong tiết học. Còn HS, khi đến lớp, dựa vào những chuẩn bị ở nhà, sẵn sàng tham gia trao đổi, thảo luận về những vấn đề được GV nêu lên.

1.6. Dạy học đọc VB thông tin

a. VB thông tin và mục tiêu dạy học đọc VB thông tin trong SGK *Ngữ văn 6*

- Trong *Ngữ văn 6* có 2 VB thông tin được chọn làm VB đọc chính: *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*. Ngoài ra, có *Ai ơi mộng 9*

tháng 4, là VB 3 kết nối về chủ đề ở bài 6 và một VB thực hành đọc cuối bài 9. *Sinh vật trên Trái Đất được hình thành như thế nào?*. Các VB này được đưa vào hai bài học khác nhau: VB *Ai ơi mong 9 tháng 4* ở bài 6. *Chuyện kể về những người anh hùng*; 3 VB còn lại ở bài 9. *Trái Đất – ngôi nhà chung*. Đây là sự cài đặt hợp lí, một mặt bảo đảm yêu cầu kết nối các nội dung, chủ đề, mặt khác giúp các bài học không rơi vào tình trạng khô khan, nặng nề do tập trung tất cả các VB thông tin vào một bài.

- Các VB thông tin được chọn đọc trong *Ngữ văn 6* đều có dung lượng vừa phải, tương đối dễ tiếp nhận (do cách diễn đạt giản dị, sáng rõ và nội dung sát hợp với chủ đề bài học, không chứa đựng những kiến thức quá cao xa, kể cả những kiến thức khoa học). Tất cả đều là những ngữ liệu phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình về phát triển kĩ năng đọc VB thông tin, từ đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức đến liên hệ, so sánh, kết nối. Ví dụ, VB *Ai ơi mong 9 tháng 4* giúp HS nhận biết được đặc điểm của VB thông tin thuật lại một sự kiện, với cách triển khai VB theo trật tự thời gian; VB *Trái Đất – cái nôi của sự sống* giúp HS nhận biết và hiểu được cách triển khai VB thông tin theo quan hệ nhân quả, tác dụng của nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự trong VB; VB *Các loài chung sống với nhau như thế nào?* giúp HS hiểu được ý nghĩa của các số liệu với tư cách là một phương tiện biểu đạt phi ngôn ngữ.

b. Chuẩn bị

- Những kiến thức GV cần nắm

+ Khái niệm VB thông tin

VB thông tin là loại VB chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về một đối tượng nào đó (sự vật, sự việc,...) phục vụ cho việc thông báo, giao dịch,... trong hoạt động giao tiếp. VB thông tin có thể được chia thành nhiều loại nhỏ theo các tiêu chí: tính chất của thông tin, cách triển khai thông tin, cấu trúc VB,... (*Ngữ văn 6* chỉ yêu cầu HS nắm bắt được đặc điểm của VB thông tin thuật lại một sự kiện – một loại VB thông tin được nhận diện theo tiêu chí nội dung, tính chất của thông tin).

+ Các thành phần của VB thông tin

VB thông tin trên báo chí thường có các phần: nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, các đoạn văn, các hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ,... (ở đây chỉ nói tới những thành phần mà chương trình yêu cầu HS nhận biết khi học *Ngữ văn 6*).

+ Cách triển khai VB thông tin

Cách triển khai VB thông tin thực chất là cách sắp xếp các phần của VB theo một trật tự phù hợp với nội dung thông tin và mục đích của việc truyền tải thông tin. Theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn *Ngữ văn* năm 2018, ở *Ngữ văn 6*, GV chỉ cần giúp HS nhận biết được hai cách triển khai: theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả. Cách triển khai theo trật tự thời gian thường được áp

dụng với các VB thông tin thuật lại một sự kiện. Các triển khai theo quan hệ nhân quả có thể được dùng ở nhiều loại VB thông tin, có đặc điểm: nguyên nhân được nêu trước, sau đó là kết quả, tất cả tạo thành một chuỗi liên tục.

+ VB đa phương thức

Đây là loại VB có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,... Thực chất, VB đa phương thức chủ yếu gắn với VB thông tin, được xác định là một hình thức cấu tạo đặc thù của VB thông tin trong thời đại truyền thông đa phương tiện.

– Phương tiện dạy học

Để dạy học đọc VB thông tin, bên cạnh giáo án (thiết kế bài dạy – học) thông thường, GV cần chuẩn bị thêm giáo án điện tử, kèm theo bộ hồ sơ gồm các tranh ảnh minh hoạ, các tờ báo, tạp chí có bài viết phù hợp, có thể được dùng như tài liệu trực quan giúp HS hiểu rõ các thành phần của VB thông tin, đặc điểm của VB đa phương thức,...

c. Triển khai dạy học đọc VB thông tin

Ngoài những hoạt động dạy học đọc áp dụng chung khi mở đầu bài học (giới thiệu bài học, khám phá tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc VB thông tin trong *Ngữ văn 6*, cần lưu ý mấy điểm sau:

- GV cần dựa vào hệ thống chiến lược đọc được cài đặt bên cạnh phần VB đọc và các câu hỏi ở phần Sau khi đọc để hướng dẫn HS tìm hiểu VB. Khi đi vào một VB thông tin cụ thể, cần làm rõ: *VB nói về vấn đề gì? Thông tin trong VB được triển khai theo trình tự hay quan hệ nào? Các phương tiện phi ngôn ngữ đã được sử dụng ra sao? VB giúp em có thêm hiểu biết gì về vấn đề đời sống được đề cập?*
- Đối với việc đọc VB thông tin, vấn đề phát triển tư duy logic cho HS cần được ưu tiên. Việc đòi hỏi HS nắm được cách đưa thông tin quan trọng hơn việc yêu cầu các em nhớ từng thông tin cụ thể.

1.7. Dạy học đọc mở rộng

a. Đọc mở rộng và mục tiêu của hoạt động đọc mở rộng trong *Ngữ văn 6*

- SGK *Ngữ văn 6* dành 6 tiết cho việc tổ chức hoạt động đọc mở rộng tại lớp. Các tiết Đọc mở rộng tại lớp này đã được tính trong thời lượng 140 tiết toàn năm học lớp 6 cho môn *Ngữ văn*.
- Theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn *Ngữ văn* năm 2018, đọc mở rộng là hoạt động HS được tự tìm VB để đọc. Hoạt động này giúp HS hình thành, phát triển thói quen, hứng thú và kĩ năng tự tìm sách và đọc sách. Mục tiêu của tiết học Đọc mở rộng ở lớp là tạo cơ hội cho HS chia sẻ kết quả tự đọc sách của

mình với các bạn và với GV; đồng thời cũng tạo điều kiện cho GV nắm bắt được xu hướng, kỹ năng đọc sách của HS để kịp thời có những chỉ dẫn, định hướng phù hợp với yêu cầu giáo dục.

b. Chuẩn bị

- Để chuẩn bị cho tiết Đọc mở rộng tại lớp, ví dụ cho tiết đầu tiên trong 3 tiết được bố trí, sau khi học xong 3 bài *Tôi và các bạn*, *Gõ cửa trái tim*, *Yêu thương và chia sẻ*, GV cần giao nhiệm vụ cho HS tự tìm đọc (ngoài giờ lên lớp) các VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện hoặc thơ) và chủ đề với các VB đã học trong những bài này.
- HS có thể chọn sách từ tủ sách của lớp, mượn của thư viện trường hoặc tìm ở hiệu sách và từ các nguồn khác. GV cần khuyến khích HS xây dựng tủ sách của lớp ngay từ đầu năm học, hướng dẫn các em cách tìm sách ở thư viện của trường và hiệu sách. Để chuẩn bị tốt cho tiết học Đọc mở rộng, GV cũng cần hướng dẫn cho HS sử dụng các phiếu đọc sách để ghi lại kết quả đọc sách và tiện cho việc trao đổi kết quả đọc.
- GV cần chuẩn bị một số VB đáp ứng yêu cầu về thể loại, loại VB và chủ đề để có thể giới thiệu thêm cho HS tìm đọc. Như đã nêu, qua hoạt động *đọc mở rộng*, *Ngữ văn 6* mong muốn giúp HS hình thành và phát triển thói quen, hứng thú, kỹ năng tự tìm kiếm sách để đọc. Nhưng nếu HS không có điều kiện tìm được đúng VB mà *Ngữ văn 6* yêu cầu, GV có thể linh hoạt điều chỉnh chủ đề sách phải tìm để hoạt động *đọc mở rộng* vẫn được thực hiện một cách hiệu quả.

c. Triển khai dạy học Đọc mở rộng trong Ngữ văn 6

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, trao đổi về nội dung và nghệ thuật của VB đã đọc. Chẳng hạn với VB thuộc thể loại truyện, HS có thể đặt các câu hỏi để trao đổi trong nhóm về: người kể chuyện (*Người kể chuyện trong truyện này là ai?*), cốt truyện (*Nêu các sự việc chính trong câu chuyện*), nhân vật (*Truyện có mấy nhân vật?*), lời người kể chuyện và lời nhân vật (*Cho biết đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật*),...
- Một số HS đại diện cho các nhóm chia sẻ trước lớp những ý kiến nổi bật đã trao đổi trong nhóm. Các HS khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá chung và biểu dương những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách cho nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc.

1.8. Dạy học dự án đọc sách

a. Dự án đọc sách và mục tiêu của dạy học dự án đọc sách trong Ngữ văn 6

SGK *Ngữ văn 6* dành 8 tiết (2 tuần) cho hoạt động đọc sách trong bài 10. *Cuốn sách tôi yêu*, sau khi các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói, nghe, thực hành tiếng Việt đã cơ bản

hoàn thành với 9 bài học trước đó. Để tổ chức hoạt động dạy học dự án trong môn Ngữ văn, cụ thể là hoạt động đọc sách thực sự đạt hiệu quả, GV cần lưu ý những vấn đề sau:

- Xác định rõ yêu cầu cần đạt của dự án đọc sách (trong mối quan hệ với yêu cầu cần đạt của hệ thống bài học trước đó): phát triển kĩ năng tự đọc sách của HS, nâng cao khả năng tự học và dần trở thành một người đọc độc lập, biết làm việc với sách và vận dụng, sáng tạo trên cơ sở những gì đã đọc.
- Định hướng chủ đề, thể loại VB mà HS cần lựa chọn, trên cơ sở các chủ đề bài học và thể loại VB của SGK *Ngữ văn 6*.

b. Lập kế hoạch tổ chức dự án đọc sách

Dựa vào kế hoạch dạy học môn Ngữ văn và kế hoạch năm học của nhà trường, GV có thể linh hoạt tổ chức các hoạt động của dự án đọc sách trong bài 10 vào thời gian thích hợp, có thể là sau khi Ôn tập và Kiểm tra cuối năm để HS có thể tham gia các hoạt động trong dự án học tập với tâm thế thoải mái và hứng thú hơn. Để tổ chức hình thức dạy học dự án đối với bài học này đạt hiệu quả, thu hút và gợi hứng thú với HS, sau khi nghiên cứu kĩ yêu cầu cần đạt, GV cần:

- Xác định rõ các hoạt động chính, tiến độ thực hiện hoạt động, sản phẩm dự kiến và các hình thức trình bày sản phẩm (báo cáo kết quả dự án) đã được định hướng trong bài học. GV cần lập kế hoạch tổ chức thực hiện dự án *Cuốn sách tôi yêu* một cách cụ thể và phù hợp với đối tượng HS của lớp mình.
- Phối hợp với GV dạy các môn học và hoạt động giáo dục khác như Mĩ thuật, Âm nhạc, Hoạt động trải nghiệm,... để có thể tổ chức hoạt động một cách sáng tạo, hấp dẫn.
- Nghiên cứu kĩ kế hoạch năm học, kế hoạch dạy học của nhà trường, từ đó xây dựng phương án sử dụng quỹ thời gian, điều chỉnh thời lượng phân bố cho bài học một cách linh hoạt khi tổ chức hoạt động chuẩn bị (tập luyện) và báo cáo kết quả (trình bày, giới thiệu sản phẩm sau khi đọc). Thời lượng phân bố cho bài học này trong môn *Ngữ văn* là 8 tiết nhưng khi tích hợp hoạt động của các môn học khác, quỹ thời gian dành cho các hoạt động cụ thể có thể tăng lên. Phạm vi của dự án cũng không chỉ giới hạn trong một lớp mà có thể mở rộng ra cả khối lớp hoặc toàn trường, khi có sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch năm học của nhà trường.
- Khi lập kế hoạch dạy học dự án đọc sách, cần xác định rõ các hoạt động, nội dung, sản phẩm của hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể để HS có thể thực sự tham gia vào các hoạt động, tạo ra được sản phẩm cụ thể sau quá trình đọc, viết, trình bày, giới thiệu được sản phẩm khi nói và nghe (báo cáo dự án). Tham khảo mẫu kế hoạch sau đây:

Tên dự án: *Cuốn sách tôi yêu*

Chủ đề: *Gỗ của trái tim & Khác biệt và gần gũi*

Thời gian	Tiến trình tổ chức		Sản phẩm	Phân công nhiệm vụ	
	Hoạt động	Nội dung		Ở lớp	Ở nhà
1	Khởi động	<i>Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn</i>	Danh mục sách được chọn; Poster chung của dự án; góc đọc sách của nhóm, lớp.		
2, 3, 4	Thực hiện dự án: Đọc	Thách thức đầu tiên: <i>Mỗi ngày một cuốn sách</i>	Nhật kí đọc sách của nhóm (poster, phiếu đọc sách)		
5, 6	Thực hiện dự án: Viết	Thách thức thứ hai: <i>Sáng tạo cùng tác giả</i>	Sản phẩm nghệ thuật minh họa sách (kết hợp viết và vẽ minh họa); bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.		
7, 8	Báo cáo kết quả: Nói và nghe	Về đích: <i>Ngày hội với sách</i>	Bài trình bày trực tiếp hoặc băng hình, đoạn phim ngắn ghi lại nội dung nhóm, cá nhân trình bày, giới thiệu sản phẩm minh họa sách hoặc ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.		

c. Chuẩn bị phương tiện thực hiện

Để đáp ứng yêu cầu cần đạt của dự án, GV cần huy động các phương tiện dạy học và cơ sở vật chất của nhà trường, của cộng đồng phụ huynh HS một cách hiệu quả:

- Thư viện nhà trường và/ hoặc các góc đọc sách của lớp: có quy mô phù hợp và có một số cuốn sách theo các chủ đề học tập đã được định hướng.
- Các phương tiện dạy học khác: có đủ màu vẽ, giấy vẽ, tư liệu hình ảnh minh họa: tranh ảnh, phim ngắn (nếu có),...

d. Quy trình tổ chức thực hiện dự án đọc sách

Bước 1: Nghiên cứu yêu cầu cần đạt

Bước 2: Lập kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ theo kế hoạch

Bước 3: Tổ chức thực hiện dự án

- Hoạt động khởi động dự án đọc sách: thu hút HS tham gia dự án bằng các trò chơi, cuộc thi vui phù hợp điều kiện của trường, lớp.
- Hoạt động sáng tạo sản phẩm: Đọc, viết, có thể kết hợp vẽ minh họa. Nếu có điều kiện thì có thể xây dựng các đoạn video clip ngắn, kịch bản để biểu diễn hoạt cảnh (tùy điều kiện của địa phương, nhà trường và năng lực của HS).

- Hoạt động báo cáo kết quả dự án: trình bày, giới thiệu sản phẩm, biểu diễn hoạt cảnh (nếu chuẩn bị được).

Các hoạt động cụ thể thuộc quy trình tổ chức dự án đọc sách theo hình thức tích hợp nội môn và liên môn (môn *Ngữ văn* và các môn học thuộc lĩnh vực giáo dục nghệ thuật) đã được hướng dẫn chi tiết trong SHS, SGV. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện của nhà trường và năng lực của HS, GV có thể phát triển, mở rộng và sáng tạo thêm trên cơ sở hướng dẫn của tài liệu tập huấn và SGK.

2 HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

2.1. Kiến thức tiếng Việt và mục tiêu dạy học tiếng Việt trong *Ngữ văn 6*

a. Việc đưa kiến thức tiếng Việt vào SGK *Ngữ văn 6* được thực hiện theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn *Ngữ văn* năm 2018. Các kiến thức này thuộc các cấp độ và bình diện ngôn ngữ khác nhau:

- Từ vựng: từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; nghĩa của yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó.
- Ngữ pháp: mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; trạng ngữ (đặc điểm, chức năng liên kết câu); công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp); dấu ngoặc kép (đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt).
- Hoạt động giao tiếp: biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ; đoạn văn và VB: đặc điểm và chức năng; lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu với việc thể hiện nghĩa của VB; một số kiểu, loại VB.
- Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ: hiện tượng vay mượn từ, từ mượn, sử dụng từ mượn; phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.

b. Mục tiêu của việc dạy học tiếng Việt trong *Ngữ văn 6* là trang bị cho HS công cụ để đọc hiểu, chú không nhằm cung cấp kiến thức lí thuyết theo logic của khoa học nghiên cứu về ngôn ngữ. Vì vậy, các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt không được tập hợp để tạo thành một “phân môn” riêng, theo cách mà *Ngữ văn 6* thuộc Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đã thực hiện. Điều đó hẳn sẽ làm cho nhiều thầy cô bối rối. Nhưng điều này hoàn toàn đi theo chủ trương tích hợp kiến thức tiếng Việt và những kiến thức ngữ văn khác vào một bài học lấy VB làm trung tâm.

Do yêu cầu vận dụng kiến thức tiếng Việt để thực hành, qua đó phát triển kĩ năng giao tiếp, nên ngoài kiến thức mới đưa vào bài học theo yêu cầu của chương trình, SGK *Ngữ văn 6* còn thiết kế nhiều bài tập đòi hỏi HS vận dụng kiến thức đã học trước đó, kể cả kiến thức đã học ở tiểu học để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ của VB.

Trên cơ sở yêu cầu cần đạt chung như vậy, mỗi tiết *Thực hành tiếng Việt* đều bắt đầu bằng việc phân tích yêu cầu cần đạt cụ thể. Chẳng hạn, ở bài 3. *Yêu thương và chia sẻ*,

có 2 tiết thực hành tiếng Việt. Tiết 1 yêu cầu HS hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ, nhận biết được cụm danh từ và biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ. Tiết 2 yêu cầu HS nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ và biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ.

2.2. Chuẩn bị bài học

a. Những kiến thức cần nắm

GV đọc kỹ phần kiến thức tiếng Việt trong *Tri thức ngữ văn cho GV* trong SGK.

b. Phương tiện dạy học

Ngoài SGK và tài liệu thiết kế kế hoạch dạy học theo hình thức thông thường, GV nên chuẩn bị thêm bài giảng điện tử để trình chiếu các nội dung cần thiết.

2.3. Triển khai dạy học thực hành tiếng Việt

a. Hình thành kiến thức mới

Đây là hoạt động mở đầu phần *Thực hành tiếng Việt*. Với bài không có kiến thức mới mà chỉ dùng kiến thức đã học, chủ yếu là đã học ở tiểu học để thực hành thì hoạt động mở đầu sẽ là củng cố kiến thức đã học; GV giúp HS ôn lại kiến thức đã biết để thực hành. Tuy nhiên, dù là hình thành kiến thức mới hay củng cố kiến thức cũ thì kiến thức đó chỉ được giới thiệu, phân tích một lần ở bài học mà nó xuất hiện đầu tiên. Ở các bài tiếp theo, GV chỉ nhắc lại nếu thấy cần thiết,

Trước khi bắt đầu hoạt động hình thành kiến thức mới, với một số kiến thức phù hợp, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi, ví dụ, để HS nhận diện từ đơn và từ phức trong VB *Bài học đường đời đầu tiên*, GV có thể cho các em chơi trò chơi ghép các từ ở cột phải với các từ ở cột trái để miêu tả Dế Mèn.

vuốt	nhọn hoắt
cánh	hủn hoẳn
người	rung rinh
răng	đen nhánh
	bóng mờ
	ngoàm ngoạp

GV có thể hình thành kiến thức mới cho HS bằng cách sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ, đi từ ngữ liệu thực tế để HS tìm hiểu và rút ra khái niệm (phương pháp quy nạp); hoặc sử dụng phương pháp thông báo, giải thích, đưa khái niệm, định nghĩa về đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ và lấy ví dụ để minh họa (phương pháp diễn dịch).

b. Thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ

Sau khi HS đã nắm được kiến thức (khái niệm, định nghĩa), GV cần cho HS thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ trong nhiều ngữ cảnh đa dạng. Ngoài ngữ liệu đã cho trong các hộp (box) đặt bên phải của phần *Thực hành tiếng Việt* trong SHS, GV có thể tìm thêm các ngữ liệu khác để HS thực hành nhận biết dưới sự hướng dẫn của GV. Hoạt động thực hành nhận biết với sự hỗ trợ của GV này là bước chuyển tiếp cần thiết giúp HS nắm vững kiến thức hơn để hoàn thành các bài tập ở bước luyện tập, vận dụng. Nếu ngữ liệu để hình thành kiến thức và thực hành nhận biết được lấy từ những nguồn bất kì thì ngữ liệu được dùng để thiết kế các bài tập ở *Luyện tập, vận dụng* trong SHS chủ yếu được lấy từ VB đọc có trong bài học. Phải đi theo quy trình như vậy thì hoạt động thực hành tiếng Việt mới đáp ứng mục tiêu phục vụ cho việc đọc hiểu, giúp HS đào sâu hơn hiểu biết về tác dụng của việc sử dụng các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB.

c. Luyện tập, vận dụng

Ở hoạt động này, GV có thể hướng dẫn HS làm việc cá nhân, theo cặp, nhóm để hoàn thành các bài tập. GV căn cứ vào thời gian của tiết học để hướng dẫn HS làm bài, không nhất thiết phải làm tất cả và tuân tự các bài tập tiếng Việt như trong SHS, ví dụ, với bài tập viết đoạn văn có sử dụng đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ cần vận dụng thực hành, GV có thể yêu cầu HS viết trên lớp hoặc ở nhà. Ngoài ra, GV có thể tự thiết kế thêm các bài tập khác để HS luyện tập, miễn là đáp ứng điều kiện thời gian và mục tiêu dạy học. Mỗi bài học, từ bài 1 đến bài 9, dự kiến có 2 tiết cho *Thực hành tiếng Việt*. Tuy vậy, tùy vào khả năng hoàn thành của HS và số bài tập bổ sung mà GV có thể dành thời gian nhiều hơn hoặc ít hơn so với dự kiến.

3 HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC VIẾT

3.1. Các kiểu bài viết trong SGK Ngữ văn 6

Theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, SGK *Ngữ văn 6* cần hướng dẫn HS luyện tập viết các kiểu bài sau:

- VB tự sự: kể lại một trải nghiệm của bản thân (*bài 1, bài 3*); kể lại một truyện cổ tích (*bài 7*);
- VB biểu cảm: nêu cảm nghĩ về một bài thơ (*bài 2, bài 4*) và tập làm thơ lục bát (*bài 4*);
- VB miêu tả: tả cảnh sinh hoạt (*bài 5*);
- VB nghị luận: trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống (*bài 8, bài 10*);
- VB thông tin: thuật lại một sự kiện (*bài 6*); viết biên bản; tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một VB đơn giản (*bài 9*).

Để việc dạy học viết đạt hiệu quả, GV cần chú ý đặc điểm của từng kiểu bài, yêu cầu cần đạt và quy trình dạy học viết đối với từng kiểu bài trong SGK *Ngữ văn 6*.

3.2. Những lưu ý khi dạy học viết

a. Kiểu bài kể lại một trải nghiệm

Kiểu bài này được phân bố ở bài 1. *Tôi và các bạn* và bài 3. *Yêu thương và chia sẻ*. Trong các bài học này, ở phần Đọc, HS đã được học văn bản truyện (tự sự), một số truyện có người kể chuyện ngôi thứ nhất và câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật “tôi” như một trải nghiệm của bản thân về kỉ niệm gắn với lứa tuổi (lỗi lầm, sự ân hận, tình bạn,...): *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Đế Mèn phiêu lưu kí*, Tô Hoài), *Những người bạn* (trích *Tôi là Bê-tô*, Nguyễn Nhật Ánh). Với bài 2. *Gỗ của trái tim*, dù trọng tâm thể loại là thơ, HS cũng được đọc văn bản *Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh) – câu chuyện được kể như một trải nghiệm của nhân vật “tôi” về tình cảm gia đình, tình cảm anh em. Qua những VB truyện nói chung và các trích đoạn truyện, truyện ngắn có nhân vật người kể chuyện ngôi thứ nhất, GV có thể định hướng cho HS vận dụng tri thức, kĩ năng từ hoạt động đọc để bước đầu hình thành kĩ năng viết một câu chuyện đơn giản (kể về trải nghiệm phù hợp với lứa tuổi) từ vốn sống, vốn hiểu biết của các em trong các mối quan hệ đời sống: với những người thân trong gia đình, bạn bè, thầy cô. Những lưu ý về ngôi kể, cách vận dụng ngôn ngữ khi kể đã được SGK hướng dẫn cụ thể trong phần *Viết* của bài 1 và bài 3. Tuy nhiên, với kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân, GV cần chú ý hướng dẫn HS huy động vốn sống từ chính những gì các em đã trải qua với cha mẹ, anh chị em, ông bà trong gia đình, hoặc bạn bè, thầy cô ở trường; những người mới quen, mới gặp hay tình cờ tiếp xúc nhưng đã để lại ấn tượng đáng nhớ; những chuyến tham quan với gia đình hay nhà trường, các sự kiện của cộng đồng mà HS có dịp tham gia, chứng kiến,... Tất cả những điều đó nếu được tái hiện một cách chi tiết, sinh động và đặc biệt là có một ý tưởng tương đối rõ (nhận diện giá trị, bài học cuộc sống qua các chi tiết, sự việc đáng nhớ) đều có thể trở thành những trải nghiệm có ý nghĩa. Câu chuyện thú vị luôn tiềm ẩn trong mọi chi tiết, sự việc tưởng như bình thường nhất. Điều quan trọng là làm sao để HS có cách nhìn, cách cảm, hiểu và suy nghĩ, liên tưởng tích cực từ đó. HS có thể học được điều này qua chính những bài viết tham khảo (không phải bài văn mẫu để sao chép) được dẫn ra trong bài 1 và bài 3. Từ câu chuyện *Người bạn nhỏ*, GV có thể dẫn dắt để HS nhận ra rằng: ngay cả những điều bình thường nhất cũng có thể gợi cảm hứng để ta viết nên một câu chuyện cảm động, nếu người viết tái hiện được sự việc một cách chân thực, cụ thể và bộc lộ được thái độ, cảm xúc, tìm ra được ý nghĩa, bài học ẩn chứa trong đó.

b. Kiểu bài ghi lại cảm xúc về một bài thơ

Đây thực chất là dạng đơn giản của kiểu bài phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học. Kiểu bài này được phân bố ở bài 2. *Gỗ của trái tim* và bài 4. *Quê hương yêu dấu*. Trong hai bài học này, VB đọc chính được viết bằng các thể thơ năm chữ, tự do và lục bát. Do đó, GV cần tận dụng những tri thức, kĩ năng HS đã đạt được qua hoạt động đọc để có thể thực hiện các yêu cầu của bài viết. Các văn bản thơ *Chuyện cổ tích về loài*

người (Xuân Quỳnh), *Mây và sóng* (R. Tagore) trong bài 2 đều có sự xuất hiện của các yếu tố tự sự và miêu tả. Để giúp HS vượt qua khó khăn khi thực hành viết kiểu bài *Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả* (bài 2), cần nhắc các em nhớ lại những điều đã nắm được về cách thể hiện cảm xúc trữ tình mang tính đặc thù của các tác phẩm kể trên. Bài viết cần được triển khai dựa vào việc giải đáp các câu hỏi: *Tác giả đã kể hay tả những gì trong bài thơ? Những điều được kể, tả đó mang vẻ đẹp độc đáo như thế nào? Câu chuyện hay bức tranh gửi gắm ân tình của nhà thơ đã tác động vào cảm xúc, liên tưởng, suy nghĩ của em ra sao?...*

Với yêu cầu: *Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát* (bài 4), những hiểu biết về thể loại, đặc điểm nghệ thuật và nội dung của các VB trong *Chùm ca dao về quê hương đất nước*, của bài thơ *Chuyện cổ nước mình* (Lâm Thị Mỹ Dạ) là cơ sở để HS có thể thực hiện các yêu cầu của bài viết. GV có thể định hướng cho HS viết bài bằng cách nêu lên một số câu hỏi như: *Em được tiếp xúc với những bài thơ lục bát từ khi nào? Theo em, những nội dung gì thường được thơ lục bát chuyển tải thành công nhất? Bài thơ lục bát khiến em muốn ghi lại cảm xúc sau khi đọc có điều gì đặc biệt gây ấn tượng? Hình thức lục bát của bài thơ đã tác động đến em như thế nào?...*

c. Kiểu bài tập làm thơ lục bát

Từ hoạt động đọc hiểu, HS nhận biết được những đặc điểm hình thức nghệ thuật, nội dung của ca dao và những bài thơ lục bát khác. Cùng với việc nhận diện luật thơ, vai trò của ngữ cảm, trực quan về âm thanh ngôn ngữ khi sáng tác là rất quan trọng. Do đó, GV nên hướng dẫn HS đọc đi đọc lại, đọc to theo nhiều cách khác nhau để thực sự cảm nhận được mô hình âm thanh, nhạc điệu (vần điệu, nhịp điệu, thanh điệu,...) của bài thơ lục bát. Điều này giúp HS sau khi đã lựa chọn được đề tài, ý tưởng, có thể chủ động hơn trong việc vận dụng, lựa chọn tiếng, từ ngữ để cấu tạo dòng thơ lục bát: phối hợp được dòng 6 tiếng và dòng 8 tiếng về vần điệu, nhịp điệu và thanh điệu. GV cần cho HS làm đi làm lại các bước:

- Điền các tiếng thích hợp để tập gieo vần cho các dòng thơ (đã bỏ bớt đi một số tiếng ở vị trí cần chú ý về vần).
- Viết thử một dòng thơ tiếp nối vào các dòng thơ sẵn có để tập gieo vần, ngắt nhịp và cấu tạo dòng thơ đúng luật.
- Biến đổi một số dòng thơ, bài thơ 4 tiếng hoặc 6 tiếng sẵn có thành dòng thơ, bài thơ lục bát (thêm tiếng, từ ngữ thích hợp đảm bảo quy luật gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh của thơ lục bát).
- Vì HS mới tập làm thơ lục bát nên GV chỉ cần yêu cầu các em viết được từ 2 – 4 dòng thơ để có thể cấu tạo cặp câu thơ hoặc bài thơ lục bát ngắn. Hoạt động tập làm thơ lục bát không đòi hỏi HS phải sáng tác được những câu thơ, bài thơ hay, mà chủ yếu là thực hành để HS hiểu hơn đặc điểm của thơ lục bát và có thể giúp HS thể hiện được sở trường, năng khiếu, hứng thú (nếu có).

d. Kiểu bài tả cảnh sinh hoạt

Đây là kiểu bài viết được phân bố thực hiện trong bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*. HS có thể chuyển hoá những tri thức và kĩ năng từ các bài đọc của cả bài 4 *Quê hương yêu dấu*, bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*, đặc biệt là các VB kí *Cô Tô* (Nguyễn Tuân), *Hang Ên* (Hà My) và bài viết tham khảo *Chợ phiên vùng cao* vào việc thực hiện hoạt động viết một cách hiệu quả. Kĩ năng viết văn miêu tả đã được hình thành và phát triển từ tiểu học. Do đó, với kiểu bài tả cảnh sinh hoạt ở lớp 6, GV chỉ cần lưu ý HS lựa chọn cảnh sinh hoạt mà các em thực sự yêu thích hoặc hiểu rõ qua những lần trực tiếp tham gia, tìm hiểu, quan sát: một lễ hội ở trường hoặc làng quê, thành phố, một ngày xuân bên gia đình, chợ hoa ngày Tết, ngày thu hoạch mùa màng, một buổi tham quan, dã ngoại hay thiện nguyện,... Tất cả đều có thể trở thành đối tượng miêu tả hấp dẫn nếu HS cảm nhận được niềm vui, ý nghĩa, vẻ đẹp của cuộc sống và con người trong đó. Việc hướng dẫn HS huy động vốn sống, trải nghiệm, chủ động tìm ý, phát triển ý và huy động vốn ngôn ngữ để biểu đạt những nội dung định trình bày chi phối quá trình phát triển năng lực viết văn miêu tả nói riêng và viết sáng tạo nói chung của các em. Khi hướng dẫn HS viết bài văn miêu tả cảnh sinh hoạt, GV cần chú ý khai thác mô hình:

Tôi biết: phạm vi hiểu biết của HS;

Tôi quan tâm: mức độ quan tâm của HS;

Tôi yêu mến: mức độ tình cảm của HS;

Tôi tìm hiểu: khả năng quan sát, tìm hiểu của HS;

Tôi lựa chọn: cách lựa chọn và quyết định của HS;

Tôi viết: khả năng diễn đạt của HS.

e. Kiểu bài thuyết minh thuật lại một sự kiện

Việc huy động tri thức và chuyển hoá những kĩ năng từ hoạt động đọc các truyền thuyết lịch sử có mối liên hệ với các sinh hoạt văn hóa cộng đồng trong bài 6. *Chuyện kể về những người anh hùng* như *Thánh Gióng*; *Sơn Tinh, Thủy Tinh*; *Bánh chưng, bánh giầy*; đặc biệt là *Ai ơi mồng 9 tháng 4* (bài viết thuật lại sự kiện lễ hội Gióng) sẽ giúp HS vượt qua khó khăn trong việc lựa chọn đề tài (sự kiện) và tìm ý, phát triển ý, vận dụng ngôn ngữ để viết bài. Với bài văn thuật lại một sự kiện, việc hướng dẫn HS chủ động hình thành và phát triển được mô hình thông tin theo cấu trúc *5 W & 1 H* cũng là một chiến thuật hiệu quả trong dạy học viết: *What? Where? When? Who? Why? How?*

f. Kiểu bài kể lại một truyện cổ tích

Mối liên hệ chặt chẽ giữa dạy học đọc và dạy học viết được thể hiện tường minh trong kiểu bài này. Những truyện cổ tích đã đọc trong bài 7. *Thế giới cổ tích* là nguồn ngữ liệu để GV hướng dẫn HS khai thác, phát triển chi tiết, thay đổi ngôi kể. Các mức độ của năng lực viết bài văn kể chuyện có thể bao gồm:

- Viết được đoạn văn ngắn để kể về một người, sự việc (chưa có cốt truyện nhưng các chi tiết có sự liên kết mạch lạc).

- Viết được bài văn ngắn kết hợp tái hiện và tưởng tượng để kể về một sự việc, sự kiện, nhân vật.
- Viết được bài văn kể sáng tạo, mở rộng, nối tiếp các sự kiện dựa trên câu chuyện có sẵn (kết hợp hiểu biết và tưởng tượng). Có những chi tiết mới và sáng tạo.
- Tự sáng tạo được cốt truyện và trình bày một câu chuyện với nhiều tình tiết phong phú, ngôn ngữ sinh động (trải nghiệm, tưởng tượng, hư cấu).

Với kiểu bài kể lại một truyện cổ tích (mức độ 3), GV cần chú ý mối quan hệ giữa mức độ viết mô phỏng và viết sáng tạo:

Kể chuyện mô phỏng

- Ghi nhớ và kể lại được câu chuyện đã nghe hoặc đọc: chi tiết chính, chưa có điểm nhấn và chưa thể hiện được thái độ, tình cảm, chưa nêu được ý nghĩa, bài học.
- Ghi nhớ và kể lại được câu chuyện đã nghe hoặc đọc một cách rõ ràng, không quá lệ thuộc vào văn bản sẵn có về cách kể, ngôn ngữ, cách thể hiện bài học.
- Đạt mức độ 2 nhưng bắt đầu có sáng tạo hoặc thay đổi một số chi tiết để nhấn mạnh hoặc bước đầu mở rộng, tưởng tượng trên cơ sở cốt truyện sẵn có.

Kể chuyện sáng tạo

- Mô phỏng, tái hiện có biến đổi: Dựa trên câu chuyện/ mẫu sẵn có, thay đổi cách kể và thêm một số chi tiết để câu chuyện sinh động hơn, trong khi vẫn giữ nguyên chủ đề, ý nghĩa.
- Nối tiếp, mở rộng, biến đổi: Sáng tạo một câu chuyện nối tiếp câu chuyện đã được kể: nối dài sự kiện và thêm các chi tiết trên cơ sở tình huống, nhân vật đã có. Câu chuyện đã có là gợi ý cho cách kể và trình bày diễn biến tiếp theo.
- Minh họa, tái hiện và kiến tạo: Từ một bối cảnh, tình huống, nhân vật được gợi ý, huy động kí ức và kinh nghiệm, trải nghiệm để tái hiện một sự việc hoặc cao hơn là tạo ra một cốt truyện mang tính minh họa, có thể thêm chi tiết và chủ động lựa chọn cách kể.
- Đột phá và sáng tạo: Từ những kí ức, kinh nghiệm và tri thức của bản thân, tìm hiểu, khám phá, tưởng tượng, biến đổi để tạo ra một ý tưởng mới, cốt truyện mới, nhân vật mới và tự thiết lập chủ đề, ý nghĩa.

g. Kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống

Kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống được phân bố trong SGK *Ngữ văn 6* ở bài 8. *Khác biệt và gần gũi* với các VB nghị luận *Xem người ta kia* (Lạc Thanh), *Hai loại khác biệt* (Youngme Moon), *Tiếng cười không muốn nghe* (Minh Đăng). Từ những VB này và bài viết tham khảo trong phần *Viết*, GV cần hướng dẫn HS nhận diện những hiện tượng, vấn đề đời sống quen thuộc cần quan tâm và tìm hiểu để đi đến những kết luận, rút ra ý nghĩa, bài học thiết thực, phù hợp với lứa tuổi của các em. Đời sống của HS trong các mối quan hệ với gia đình, thầy cô, bạn bè và

các hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi hằng ngày không thiếu những hiện tượng (vấn đề) cần quan tâm và giải quyết để có thể xác định được cách thực hiện hành động, cách sống phù hợp với các chuẩn mực xã hội và với lứa tuổi: *Vì sao cần mặc đồng phục theo quy định của nhà trường? Dùng thiết bị công nghệ có lợi ích, tác hại như thế nào? HS chưa đến tuổi phải kiểm tiền, kiếm sống nhưng cần thể hiện trách nhiệm với gia đình, cộng đồng như thế nào khi tham gia hoạt động thiện nguyện hoặc giúp đỡ người khác? Vì sao cần giữ gìn trường lớp và ngôi nhà của mình xanh, sạch, đẹp? HS cần làm gì để tiết kiệm năng lượng, góp phần bảo vệ môi trường? Xếp hàng hay không xếp hàng ở nơi công cộng?... Tương tự với đề tài trong các kiểu bài viết khác, mức độ quan tâm và hiểu biết của HS về hiện tượng, vấn đề cần nêu ý kiến là điều cần được ưu tiên hàng đầu. Đồng thời, GV cũng cần tạo cơ hội cho HS có thể tìm kiếm thông tin, bổ sung vốn sống, vốn hiểu biết về những vấn đề thiết thực với lứa tuổi của các em.*

h. Kiểu bài viết biên bản và tóm tắt một VB đơn giản bằng sơ đồ

Được phân bố trong bài 9. *Trái Đất – ngôi nhà chung*, kiểu bài viết biên bản và tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một VB đơn giản bước đầu hình thành năng lực soạn thảo VB hành chính và tóm tắt VB cho HS. Những kĩ năng viết quan trọng, thiết thực và hữu ích với HS được hình thành qua hai dạng bài mang tính ghi chép này. Với dạng bài viết biên bản, GV cần chú ý việc tạo ngữ cảnh giao tiếp cụ thể cho HS: biên bản cần được ghi chép từ chính cuộc họp, cuộc thảo luận về một vấn đề thực tế của lớp, tổ, nhóm. Với dạng bài tóm tắt văn bản bằng sơ đồ, HS nên được tổ chức hoạt động viết trên chính những VB đọc của SGK *Ngữ văn 6*, có thể mở rộng đến những VB cùng chủ đề và tương đồng về hình thức trình bày.

3.3. Quy trình dạy học viết

Phần *Viết* trong SGK *Ngữ văn 6* được sắp xếp sau 2 phần *Đọc* và *Thực hành tiếng Việt* để HS có thể vận dụng kết quả đọc và thực hành tiếng Việt vào hoạt động viết một cách chủ động và hiệu quả. Quy trình căn bản của hoạt động dạy học viết trên lớp có thể hình dung như sau:

Bước 1: Giới thiệu kiểu bài.

Bước 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài cần viết.

Bước 3: Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo.

Bước 4: Tổ chức cho HS thực hành viết theo trình tự: trước khi viết, thực hành viết bài, chỉnh sửa bài viết.

Bước 5: Chấm bài, trả bài

Trong mỗi bước của quy trình dạy học viết, GV cần chú ý phối hợp hài hoà hoạt động hướng dẫn của thầy cô và hoạt động thực hành của HS. Nghiên cứu kĩ SGK, SHS và căn cứ vào năng lực thực tế của HS để vận dụng quy trình dạy học viết thực sự sinh động và hiệu quả.

3.4. Phân tích hoạt động dạy học viết từ một kiểu bài cụ thể (kiểu bài nghị luận)

a. Phân tích yêu cầu cần đạt

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân.
- Bài viết phải bảo đảm các yêu cầu đối với kiểu VB nghị luận; biết nêu vấn đề và ý kiến về vấn đề đó; biết dùng lí lẽ, bằng chứng và dùng hình thức biểu đạt phù hợp.

b. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1. Giới thiệu kiểu bài

Từ trước, HS đã được đọc hai VB thuộc kiểu bài nghị luận. Trên cơ sở đó, GV đặt ra một số câu hỏi giúp HS nắm vững kiểu bài mà các em sẽ viết. Ví dụ: VB “*Xem người ta kìa!*” được tác giả viết ra nhằm mục đích gì? Em có tán thành với ý kiến được tác giả trình bày trong VB không? Vì sao? Từ việc rút ra đặc điểm của VB đọc, các em có thể thực hành viết VB nghị luận nêu ý kiến của bản thân trước một hiện tượng (vấn đề) gần gũi trong đời sống.

Hoạt động 2. Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)

Nhận thức về văn nghị luận của HS vẫn còn mơ hồ, vì các em chưa có điều kiện tiếp xúc nhiều với kiểu VB này. Vì thế, GV cần nhắc lại những kiến thức cơ bản về đặc trưng của VB nghị luận mà HS đã thu nhận được qua bài đọc. Có thể nêu một số câu hỏi để HS rút ra các yêu cầu cơ bản của bài văn nghị luận từ việc trả lời những câu hỏi đó:

- Hiện tượng (vấn đề) gì được nêu để bàn luận trong bài viết? → Yêu cầu: *Bài viết phải nêu được hiện tượng (vấn đề) để bàn luận.*
- Người viết có suy nghĩ gì trước hiện tượng (vấn đề) đó? → Yêu cầu: *Bài viết phải thể hiện ý kiến riêng của người viết.*
- Người viết đã đưa ra những lí lẽ gì? Những bằng chứng nào đã được sử dụng? → Yêu cầu: *Bài viết phải có các lí lẽ và bằng chứng để ý kiến có sức thuyết phục.*

Hoạt động 3. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

Dựa vào mục *Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)*, GV nêu câu hỏi nhằm định hướng cách phân tích bài viết:

- Hiện tượng (vấn đề) mà bài văn nêu lên là gì? Nhờ đâu em nhận ra điều đó? → *Bài văn nêu vấn đề đồng phục của HS khi đến trường.*
- Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng (vấn đề)? → *Người viết tỏ ra đồng tình với quy định mặc đồng phục đối với HS.*
- Lí lẽ và bằng chứng được người viết đưa ra để khẳng định điều gì? → *Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hoà; đồng phục góp phần tạo nên bản sắc riêng của từng trường; đồng phục xóa cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo; đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người.*

GV nên cho HS làm việc nhóm để trả lời các câu hỏi đã được nêu lên, chốt lại các ý chính trên cơ sở những ý kiến thảo luận của các em.

Hoạt động 4. Thực hành viết theo các bước

- GV Hướng dẫn HS chọn đề tài: Yêu cầu các em đọc SGK để tham khảo các đề tài được giới thiệu. HS cũng có thể tự tìm đề tài mới. Dù chọn đề tài trong SGK hay tự tìm kiếm đề tài, HS cần suy nghĩ về các khía cạnh: *Hiện tượng (vấn đề) có gắn gũi với thực tế học tập và sinh hoạt của em không? Em có hiểu biết gì về hiện tượng (vấn đề) đó? Bản thân em đã trải nghiệm, quan sát, suy nghĩ như thế nào về hiện tượng (vấn đề) đó?*
- GV Hướng dẫn HS tìm ý: Sau khi HS chọn được đề tài, GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác tìm ý cho bài nghị luận. Có thể lập phiếu để HS điền các thông tin, cũng chính là các ý tìm được.

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên: Lớp:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn *Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)*

Gợi ý: Đọc kĩ đề tài, tìm các khía cạnh của hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận, ghi vào các ô theo hướng dẫn như sau.

Hiện tượng (vấn đề) được nêu để bàn luận
Ý kiến của bản thân về hiện tượng (vấn đề)
Cần đưa ra những lí lẽ gì để bàn về hiện tượng (vấn đề)?
Cần nêu những bằng chứng nào để làm sáng tỏ hiện tượng (vấn đề)?

- Hướng dẫn lập dàn ý: Sau khi HS điền đầy đủ thông tin vào các ô ở cột phải của phiếu, nghĩa là đã hoàn thành việc tìm ý, GV hướng dẫn các em sắp xếp lại theo trật tự hợp lí để có một dàn ý. Dàn ý phải ghi rõ từng phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.
- Hướng dẫn HS dựa vào dàn ý để thực hiện bài viết tại lớp: Nên xem lại bài tham khảo và các VB đã đọc để biết cách viết các phần theo bố cục mà dàn ý đã nêu.

Hoạt động 5. Trả bài

- GV nhắc lại yêu cầu đối với kiểu bài; trả bài, hướng dẫn HS đọc lại bài, chiếu theo các yêu cầu đã nêu để tự rút ra những ưu điểm và hạn chế trong cách viết của bản thân.
- Nếu có ý kiến thắc mắc về nhận xét đánh giá của GV, GV cần giải thích thỏa đáng trên tinh thần dân chủ. Hướng dẫn HS tự sửa lại những chỗ đã được GV đánh dấu, nhận xét. Có thể đề nghị các em đọc bài của nhau để trao đổi, học hỏi thêm.

4 HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE

4.1. Dạy học nói và nghe theo nguyên tắc giao tiếp

Để HS thực sự có cơ hội trình bày, chia sẻ, trao đổi trong giờ học nói và nghe theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, với các bài học cụ thể của *Ngữ văn 6*, khi triển khai dạy học phần *Nói và nghe*, GV cần chú ý những nhân tố sau:

a. Đối tượng giao tiếp

HS cần xác định được những đề tài, nội dung nói và nghe cụ thể xuất phát từ chính những trải nghiệm, vốn sống của các em. GV cần định hướng để đề tài, nội dung giao tiếp được lựa chọn thực sự gây hứng thú cho HS đồng thời phù hợp với các yêu cầu cần đạt của bài học.

b. Nhân vật giao tiếp

HS cần xác định vai trò và các hoạt động phù hợp khi tham gia nói (trình bày vấn đề) hoặc khi nghe (tiếp nhận và phản hồi thích hợp trong khi nghe người khác trình bày).

c. Mục đích giao tiếp

Trong mỗi bài học, HS đều được hướng dẫn để xác định rõ mục đích nói. Tuy nhiên, GV cần gợi ý để HS có thể chủ động trình bày mục đích nói và nghe một cách rõ ràng hơn khi thực hiện hoạt động nói và nghe với một đề tài, nội dung xác định: *Muốn làm rõ vấn đề gì nhất? Cần chia sẻ điều gì quan trọng? Mong muốn người nghe nắm bắt được điều gì nhất?*

d. Phương tiện giao tiếp

Cùng với khả năng sử dụng ngôn ngữ để trình bày, trao đổi, thảo luận, tranh luận,... HS cần được hướng dẫn để sử dụng thành thạo các phương tiện ngoài ngôn ngữ hoặc phương tiện kèm ngôn ngữ khi nói và nghe: sơ đồ, hình ảnh, bảng hình, các thẻ tín hiệu theo quy ước của GV và HS, ngôn ngữ cơ thể (điệu bộ, cử chỉ),...

4.2. Dạy học nói và nghe gắn kết với đọc, viết

GV cần chú ý mối quan hệ tích hợp, kết nối chặt chẽ giữa các hoạt động đọc, viết với hoạt động nói và nghe trong cách tổ chức bài học của *Ngữ văn 6*. Mối quan hệ này thể hiện trên cả phương diện thể loại, loại VB lẫn chủ đề, cụ thể là:

Bài học (Chủ đề)	Đọc	Viết	Nói và nghe
Bài 1. Tôi và các bạn	Truyện đồng thoại và thơ về đề tài tình bạn, sự tôn trọng, đồng cảm và chia sẻ.	Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Kể về một trải nghiệm của bản thân.
Bài 2. Gõ cửa trái tim	Thơ và truyện về tình yêu thương của những người thân trong gia đình.	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.	Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình.

Bài 3. Yêu thương và chia sẻ	Truyện và thơ về đề tài tình cảm yêu thương, chia sẻ, đồng cảm trong cuộc sống hằng ngày.	Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Kể về một trải nghiệm của bản thân.
Bài 4. Quê hương yêu dấu	Thơ và tùy bút về đề tài tình cảm gắn bó của con người với quê hương, đất nước.	Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát; tập làm một bài thơ lục bát.	Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương.
Bài 5. Những nẻo đường xứ sở	Kí và thơ về đề tài về đẹp của cuộc sống, con người, quê hương, xứ sở.	Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.	Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến.
Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng	Truyền thuyết về lịch sử, văn hoá, phong tục của cộng đồng Việt.	Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (sinh hoạt văn hoá, lễ hội dân gian).	Kể lại một truyền thuyết.
Bài 7. Thế giới cổ tích	Truyện cổ tích thể hiện ước mơ về lẽ phải, sự công bằng, quan niệm về hạnh phúc của nhân dân.	Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.	Kể lại truyện cổ tích bằng lời một nhân vật.
Bài 8. Khác biệt và gắn gũi	Văn bản nghị luận bàn về sự khác biệt và gắn gũi, đồng cảm và chia sẻ trong mối quan hệ gia đình, bạn bè, nhà trường.	Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.	Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống.
Bài 9. Trái Đất – ngôi nhà chung	Văn bản thông tin về môi trường sống và vấn đề bảo vệ môi trường trên Trái Đất.	Viết biên bản một cuộc họp, thảo luận và tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản.	Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường.
Bài 10. Cuốn sách tôi yêu	Đọc mở rộng theo các chủ đề đã học và đọc văn bản nghị luận văn học bàn về mối quan hệ giữa vẻ đẹp của quê hương và thơ của một tác giả.	Sáng tạo sản phẩm minh hoạ sách (viết kết hợp vẽ); viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách đã đọc.	Giới thiệu sản phẩm minh hoạ sách; trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

Phần *Nói và nghe* là một trong những điểm nhấn nổi bật, thể hiện việc hiện thực hoá các yêu cầu cần đạt của việc dạy học Ngữ văn theo quan điểm giao tiếp và phát triển năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018 trong SGK *Ngữ văn 6*. Chính vì thế, trong quá trình tổ chức dạy học, GV cần chú ý đến việc tổ chức hoạt động nói và nghe bám sát yêu cầu cần đạt của bài học nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và các năng lực chung của HS.

4.3. Các kiểu bài nói và nghe trong *Ngữ văn 6*

Được phân bố liên tục trong 10 bài học, hoạt động nói và nghe trong SGK *Ngữ văn 6* chủ yếu tập trung vào các kiểu bài chính sau đây:

a. *Kể (có thể kết hợp miêu tả, trần thuật)*

- Kể về một trải nghiệm của bản thân (bài 1, bài 3)
- Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến (bài 5)
- Kể lại một truyền thuyết và cổ tích (bài 6, bài 7)

b. *Nghị luận (trình bày ý kiến, thảo luận)*

- Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình (bài 2)
- Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương (bài 4)
- Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống (bài 8, bài 9, bài 10)

Thời lượng được phân bố cho hai kiểu bài này tương đương nhau, tạo nên sự kết hợp hài hoà trong 10 bài học ở cả Học kì I và Học kì II. GV cần chú ý cách chuyển đổi đề tài, nội dung nói và nghe theo các chủ đề của bài học và sự phù hợp, gắn gũi của các đề tài này với HS (độ tuổi, vốn sống, tâm lí, các vấn đề của địa phương,...).

4.4. Quy trình dạy học nói và nghe

Hoạt động nói và nghe được thực hiện trên lớp, được phân bố sau 3 phần: *Đọc, Thực hành tiếng Việt, Viết*. Quy trình tổ chức dạy học nói và nghe trong SGK *Ngữ văn 6* có thể được hình dung đại lược như sau:

Bước 1: Giới thiệu kiểu bài, yêu cầu.

Bước 2: Tổ chức, hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói và tập luyện.

Bước 3: Tổ chức, hướng dẫn HS trình bày bài nói.

Bước 4: Tổ chức, hướng dẫn HS nhận xét trao đổi về bài nói.

Tùy theo năng lực của HS và yêu cầu của từng kiểu bài mà GV có thể vận dụng quy trình này một cách linh hoạt để bảo đảm hoạt động nói và nghe trên lớp đạt hiệu quả và sinh động. Có thể sử dụng hình thức phân vai, diễn hoạt cảnh ngắn khi tổ chức kể chuyện sáng tạo (truyền thuyết, cổ tích). Có thể kết hợp nhiều câu chuyện thành một kịch bản hấp dẫn để HS tham gia kể và diễn xuất một cách linh hoạt, tạo hứng thú và cuốn hút được nhiều HS tham gia.

1 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SGK NGỮ VĂN 6

Tương ứng với mỗi bài học trong SHS có một bài hướng dẫn dạy học trong SGK. Mỗi bài hướng dẫn dạy học đều có cấu trúc gồm các phần: **Yêu cầu cần đạt, Chuẩn bị, Tổ chức hoạt động dạy học.**

Yêu cầu cần đạt có nội dung thống nhất với SHS. Với mỗi phần như *Đọc, Thực hành tiếng Việt, Viết, Nói và nghe* các yêu cầu cần đạt của bài học được phân tích và giải thích rõ hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất của HS trong các hoạt động, nội dung dạy học cụ thể. Khi tìm hiểu và phân tích yêu cầu cần đạt lúc soạn bài, GV cần chú ý đến cả yêu cầu cần đạt về năng lực chung để có thể tổ chức dạy học đáp ứng yêu cầu của chương trình.

Chuẩn bị gồm hai nội dung: 1. Tri thức ngữ văn cho GV; 2. Phương tiện dạy học. Ở nội dung *Tri thức ngữ văn cho GV*, SGK trình bày, phân tích những khái niệm công cụ đầy đủ hơn và sâu hơn so với SHS. GV không phải trình bày lại cho HS những tri thức này vì những gì HS cần nắm thì đã có trong SHS, nhưng GV cần được trang bị thêm tri thức nền để có thể làm chủ được bài dạy. Ngoài ra, SGK cũng giới thiệu thêm một số tài liệu tham khảo để GV tự nghiên cứu, đào sâu thêm tri thức công cụ nếu thấy cần thiết. Phương tiện dạy học vừa có những phương tiện chung cho các bài (gồm các phương tiện cần phải có như SHS, SGK và các phương tiện có thể có như máy tính và màn hình trình chiếu) vừa có những phương tiện riêng, đặc trưng cho từng bài. GV cần nắm vững yêu cầu cần đạt của từng bài học và tính chất của các hoạt động trong bài để chuẩn bị cho phù hợp.

Tổ chức hoạt động dạy học bám sát các hoạt động đã được thiết kế trong SHS. SGK chỉ đưa ra những kịch bản gợi ý. Trong thực tế dạy học, GV có thể vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo. Ngoài khả năng điều chỉnh, thêm bớt câu hỏi, bài tập, GV có thể thay đổi trình tự các bước tổ chức hoạt động dạy học và tăng giảm thời lượng cho mỗi hoạt động giúp cho hoạt động dạy học đạt được kết quả, HS có hứng thú với việc học và phát triển phẩm chất, năng lực một cách hiệu quả.

2 GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ, SÁCH THAM KHẢO CỦA NXBGDVN

Ngoài SHS và SGK, Ngữ văn 6 còn có SBT (*Bài tập Ngữ văn 6*, tập một và *Bài tập Ngữ văn 6*, tập hai) được biên soạn theo hướng bám sát các yêu cầu cần đạt của SHS. Sách gồm hai phần, phần một: *Bài tập*, phần hai: *Gợi ý làm bài*.

Phần một gồm các bài tập ngắn và đa dạng, HS có thể hoàn thành nhanh và cảm thấy hứng thú với những bài tập này. Sách dùng khoảng 50% ngữ liệu lấy từ SHS và khoảng 50% ngữ liệu mới, thường là đoạn trích hoặc VB ngắn. Hướng sử dụng ngữ liệu này nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới đánh giá năng lực của người học, tránh được tình trạng hoàn thành bài tập chỉ nhờ ghi nhớ máy móc.

Dưới mỗi VB hoặc đoạn trích có một số câu hỏi (thuộc ba cấp độ: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng) kiểm tra khả năng đọc hiểu nội dung, đặc điểm thể loại hay loại VB và khả năng vận dụng kiến thức tiếng Việt của HS. Với ngữ liệu là VB 1, VB 2, VB 3 trong SHS hoặc đoạn trích từ những VB này thì các câu hỏi đọc hiểu trong sách sẽ tập trung khai thác các khía cạnh nội dung và nghệ thuật mà SHS chưa khai thác. Vì vậy, HS vẫn cần phải tự đọc VB để trả lời câu hỏi. Với VB *Thực hành đọc*, sách có hệ thống câu hỏi đọc hiểu giúp HS tự đánh giá kết quả đọc của mình để hoàn thành nhiệm vụ thực hành đọc. Sách cũng thiết kế một số đề luyện viết thuộc các kiểu bài HS đã được thực hành trong SHS, nhưng chỉ yêu cầu viết đoạn với những nội dung phong phú nhằm tạo thêm cơ hội cho HS được luyện tập và phát triển kỹ năng viết. Ngoài ra, HS cũng có cơ hội thực hành nói và nghe. Các bài tập được thiết kế căn cứ vào yêu cầu cần đạt về nói và nghe của mỗi bài trong SHS. HS cần chuẩn bị nội dung cụ thể để nói; sách có một số gợi ý, hướng dẫn để HS thực hành. HS có thể thực hành nói ở nhà hoặc ở lớp; HS cũng có cơ hội rèn luyện kỹ năng nghe và trao đổi, thảo luận sau khi nói.

Phần hai của sách là *Gợi ý làm bài*. Với những câu hỏi tự luận, sách không đưa đáp án có sẵn, nhưng có gợi ý đủ rõ giúp HS có thể kiểm tra kết quả làm bài của mình; phần nào HS không tự làm được thì có thể dựa vào gợi ý để hoàn thành. Nhờ đó, HS có thể sử dụng sách này để tự học và tự đánh giá kết quả học tập của bản thân.

Bài tập Ngữ văn 6 (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*) không chỉ là tài liệu giúp HS phát triển kỹ năng đọc, viết, nói và nghe mà còn là công cụ hỗ trợ cho GV trong việc thiết kế các bài tập hoặc đề kiểm tra, đánh giá theo định hướng mới.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: THÂN THUYỀN TRANG

Thiết kế sách: NGUYỄN NAM THÀNH

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – PHAN THỊ THANH BÌNH

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

- Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

- Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN
MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 2021

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2021

Mã số ISBN: